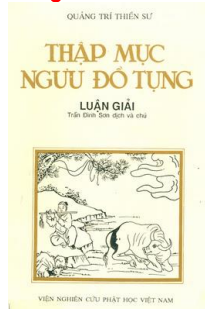


# Thập Mục Ngưu Đồ Tụng Luận Giải



**Quảng Trí Thiên Sư**  
**Dịch: Trần Đình Sơn**

---oOo---

**Nguồn**

***<https://thuvienhoasen.org>***

***Chuyển sang ebook 29-11-2018***

***Người thực hiện :***

***Nguyễn Ngọc Thảo - [thao.ksd.hng@gmail.com](mailto:thao.ksd.hng@gmail.com)***

***Nam Thiên - [namthien@gmail.com](mailto:namthien@gmail.com)***

***[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)***

## Mục Lục

**LỜI GIỚI THIỆU**

**LỜI ĐẦU SÁCH**

**CÁC BÀI TỤNG TRANH CHẶN TRÂU**

**BÀI TỰA TRANH CHẶN TRÂU**

**QUYỂN THƯỢNG**

**NÓI VỀ "CHƯA CHẶN"**

**LUẬN VỀ CHƯA CHẶN**

**NÓI VỀ LÚC MỚI CHẶN**

**LUẬN THĂNG VỀ LÚC MỚI CHẶN**

**QUYỂN HẠ**

**BÀI TỤNG CỦA PHỔ MINH THIÊN SƯ VỀ TRANH THỨ NHẤT**

**BÀI TỤNG CỦA PHỔ MINH THIÊN SƯ VỀ TRANH THỨ NHÌ**

**BÀI TỤNG CỦA PHỔ MINH THIÊN SƯ VỀ TRANH THỨ BA**

**BÀI TỤNG CỦA PHỔ MINH THIÊN SƯ VỀ TRANH THỨ TƯ**

**BÀI TỤNG CỦA PHỔ MINH THIÊN SƯ VỀ TRANH THỨ NĂM**

**BÀI TỤNG CỦA PHỔ MINH THIÊN SƯ VỀ TRANH THỨ SÁU**

**BÀI TỤNG CỦA PHỔ MINH THIÊN SƯ VỀ TRANH THỨ BẢY**

**BÀI TỤNG CỦA PHỔ MINH THIÊN SƯ VỀ TRANH THỨ TÁM**

**BÀI TỤNG CỦA PHỔ MINH THIÊN SƯ VỀ TRANH THỨ CHÍN  
BÀI TỤNG CỦA PHỔ MINH THIÊN SƯ VỀ TRANH THỨ MƯỜI  
TỔNG LUẬN VỀ TƯỚNG VIÊN GIÁC TỊCH QUANG**

---o0o---

**LỜI GIỚI THIỆU**

Mười bức tranh chẵn trâu (Thập Mục Ngưu Đồ) là hình thức dạy "thuật luyện tâm". Nó được hình thành từ lúc nào không rõ. Chính ngài Vân Khê Châu Hoàng nhà Minh - Trung Quốc - trong lời tựa cho mười bức tranh ấy cũng nói là chưa rõ có phải do tay một người hay không?

Trong tục tọng hiện có hai loại tranh chẵn trâu. Một là tranh Đại thừa, hai là tranh Thiên tông. Phổ Minh thiên sư và Cự Triệt thiên sư, mỗi vị làm mười bài thi tụng cho mười bức tranh này (ngài Châu Hoàng cũng không rõ Phổ Minh là ai? Ở đâu?). Trong bản Tân Khắc Thiên Tông Thập Mục Ngưu Đồ do Hồ Văn Hoán soạn, tập còn in thêm mười bức tranh "Khổ Lạc Nhân Duyên" cũng một ý nghĩa là dạy "thuật luyện tâm".

Mười bức tranh thi tụng này đến Việt Nam lúc nào không rõ. Trong các cuốn lịch sử Phật giáo Việt Nam hiện có cũng không thấy đề cập vị thiên sư hay cư sĩ nào nhắc nhở đến mười bức tranh này. Nay Phật tử Trần Đình Sơn đưa tới nhờ tôi xem tập "Thập Mục Ngưu Đồ Tụng Luận Giải" của ngài Quảng Trí, thiên sư Việt Nam đời Lê Dụ Tông mà Phật tử đã sưu tầm, phiên dịch từ bản chữ Hán và chú thích kỹ lưỡng. Nhận được sách tôi rất mừng vì thấy đây là một phát hiện mới làm phong phú thêm cho cuốn lịch sử của Phật giáo Việt Nam được đầy đủ hơn.

Ngài Quảng Trí đã luận giải mười bài thi tụng của Phổ Minh thiên sư, lời văn rất sáng sủa, ý nghĩa rất uyên bác, chú trọng thức tỉnh lòng người học tu đúng chánh pháp, như ngài nói: "Lập luận không phải quý ở chỗ đàm luận rỗng tuếch vô bổ, mà quý chính là ở lời nhắc nhở, cảnh tỉnh người đời. Thật vậy, đọc ngài ta mới thấy chỗ dụng tâm tha thiết đó. Ngài lại được nhà vua đương thời tới chùa thăm viếng, hỏi chỗ hành trì mà viết ra văn bản giải luận này để trình nhà vua, như vậy chứng tỏ rằng ngài cũng là một vị thiên sư thạch trụ chôn tòng lâm. Tuy không được như ngài Chân Nguyên thiên sư đương thời từng được vua Lê Dụ Tông phong chức Quốc sư và có một vị trí sáng chói trong lịch sử Phật giáo ở Đàng Ngoài thời đại Lê Dụ Tông.

Trước khi vào chính luận, ngài có viết một đoạn luận về chưa chẵn, toàn đề cập những hạng trong giới xuất gia mà không nói đến hạng tại gia. Phải chăng ngài cho rằng hạng tại gia đã hẳn là hạng chưa chẵn cho nên không nói đến mà chỉ cốt nói đến những hạng người trong giới xuất gia là hạng gọi là chẵn, hoặc chưa chẵn tới nơi tới chốn. Quả đây là lời nhắc nhở thâm hậu của ngài đối với kẻ tu hành.

Để khỏi thất lạc một bản văn quý báu như vậy, tôi thành kính giới thiệu đến quý độc giả công trình sưu tập và dịch thuật của Phật tử Trần Đình Sơn.

Từ Đàm, ngày 04 tháng 03 năm 1990  
**Hòa thượng Thích Thiện Siêu**

---o0o---

## **LỜI ĐẦU SÁCH**

Năm 1985, lên thăm Đà Lạt, duyên may gặp lại anh Phan Thái, người bạn vong niên mà tôi rất quý mến. Biết tánh tôi thích cổ ngoạn, lúc chia tay anh có trao tặng một tập sách xưa, tựa là "Thập Mục Ngưu Đồ Tụng Luận Giải". Sách là vật trân bảo, được gia đình đưa từ Huế vào sau biến cố Mậu Thân (1968). Nhận sách quý, lòng tôi vô cùng hoan hỷ. Đây là tác phẩm của một cao tăng Việt Nam ở Đàng Ngoài vào thời Lê Trịnh và được chép lại vào khoảng thời Nguyễn - Tự Đức, nội dung chứa đựng những kiến giải uyên thâm về pháp môn "Chẵn Trâu" rất phổ biến trong giới tu thiền.

Tôi phát tâm chuyển dịch sang Việt ngữ không ngoài mục đích lợi mình và lợi người trong việc học Phật, khiến cho lời dạy của tổ xưa mãi mãi vang lên để cảnh tỉnh hàng sơ cơ nhập đạo như tôi, tránh được đường tà mà tiến vào cửa giải thoát. Đồng thời cũng là để giới thiệu một tài liệu chữ Hán của tiền nhân đã trải qua ba trăm năm nay may mắn chưa bị mai một vì binh lửa. Hạt sương công đức này thành tựu là nhờ sự tùy hỷ và duyệt chứng của nhiều thiện trí thức mà tôi may mắn được gần gũi.

Nguyện được hòa nhập trong biển công đức vô biên của công việc hoằng pháp lợi sinh.

PL. 2535, Mùa Vu Lan tháng hội  
**Phật tử Trần Đình Sơn**

---o0o---

**LUẬN GIẢI**  
**CÁC BÀI TỤNG TRANH CHẶN TRÂU**  
(Mục Nguru Đồ Tụng Luận Giải)

Kính dâng Thánh thượng bản sơ luận các bài tụng về tranh chẵn trâu.

Tu sĩ Pháp Thông, hiệu Quảng Trí, chùa Trấn Hải.

Kính nhớ vào tháng 3 năm Kỷ Hợi <sup>1</sup> mong ơn, Thánh thượng ngự giá tới chùa vào ngày vía Di Đà, trong lúc chúng tăng quỳ lại nghênh tiếp, riêng tôi được đặc ân gọi vào. Thánh thượng đoái thương, cho ngồi uống trà lại chiếu cố hỏi han sau trước. Lòng tôi vô cùng cảm sợ, mỗi mỗi đều giải đáp, trình bày, mắt chẳng dám nhìn lên, chỉ biết cúi đầu cung kính.

On Thánh thượng to lớn, ngài đã chiếu cố hỏi han việc đời tôi, từ ngày còn tại tục cho tới xuất gia. Ngài còn gạn rằng: "Suốt bao năm qua, người bỏ việc đời sống vào rừng suối, vậy có trường dưỡng thêm được điều gì chăng?"

Tôi hết lòng kính ngưỡng Phật tâm quảng đại, kiên cố của Thiên tử, thế nên cố tạc dạ ghi lòng những lời vàng ngọc mà ngài đã ban bố. Đó là huấn thị về việc thay cũ đổi mới cho đất Phật được sống động một cách quy mô. Đó cũng chính là đem lại sự phồn vinh trong tình quân dân cá nước.

Quả thật Thiên tử khi xét thì chí chân, khi nghiệm thì cùng đích. Ngàn ấy nhân lành cũng đủ cảm hóa lương dân, làm cho phước tăng tội diệt và đem lại sự thịnh vượng đời đời vậy.

Hoàng thượng cũng thường sắm sửa những đồ quý báu để dâng cúng vào trong mỗi dịp lễ Tam Nguyên <sup>2</sup>, lại cũng cấp vật dụng thích hợp thời tiết bốn mùa, nhờ vậy hàng tăng lữ không bao giờ thiếu hụt. Quả thật là ân đức lớn lao trong cửa Phật vậy. Chúng tôi thực khó ngăn nổi sự vui mừng bộc lộ. Kể đó tôi lại được Thánh thượng gạn hỏi về "Sách dạy Chẵn Trâu". Lúc ấy thực tình thì tôi thưa thốt chẳng chút gì rõ ràng. Đợi đến hôm sau, tôi mới cẩn trọng đem lời giải thích của sách xưa và có kèm theo chút phân xét nghiệm riêng có. Đó là nếu sự giải thích trong sách chưa được đầy đủ rộng rãi thì được sửa đổi thêm thắt đôi lời, nếu thấy rườm rà không cần thiết lại lược thâu, bỏ bớt. Giờ đây một bản mới được thành hình. Trong đây, trên mỗi bức

tranh lại vẽ thêm tranh để được xem như lời trùng giải. Với tất cả lòng cung kính xin đệ trình và ngưỡng cầu ý chỉ của Hoàng thượng. Dù mạo cảm rằng ngài vốn bận rộn vạn việc, nhưng cúi xin mọi giải bày này có chỗ sai ngoa xin ngài xóa bỏ, bằng được chút ít gì xác đáng, xin ngài cho phổ biến rộng rãi thêm ra. Được vậy, hậu bối chẳng mất vốn học thuật ngày trước, lại tăng trưởng bội phần cái kiến thức hiện thời. Nhờ đó người tu hành có được thượng duyên hãn hữu để hoạch đắc những thắng quả rạng ngời.

Tôi trộm xét các tình tiết trong sự sắp xếp của chư Tổ xưa cũng dựa vào ý nghĩa việc "Chấn Trâu". Nhưng ở đây, lời giải thích của tôi có chỗ cạn hẹp thiếu sót e làm cho Thánh thượng nhầm chán khi xem qua.

Thánh thượng quả có sức học uyên thâm đã hỏi đến chỗ dụng trí "điều khiển trâu". Chúng tôi chẳng nề sự đốt nát của mình cung kính đệ trình lên Thánh thượng bản luận giải này với lòng mong mỏi được thẩm định.

Ngày rằm tháng 5 - năm Vĩnh Thạnh thứ 16<sup>3</sup>.

---o0o---

## **BÀI TỰA TRANH CHẤN TRÂU**

Phàm chư Phật Tổ ra đời đều do lời nguyện lớn là làm lợi ích cho chúng sinh. Lòng thương yêu muôn vật rất sâu đậm, nên các ngài mới bày ra nhiều pháp môn. Tuy bảo rằng người người vốn đầy đủ tánh "viên minh", nhưng vì vô minh, vọng động nên mãi luân hồi, bao giờ mới biết phản tỉnh. Do đó mà bấy giờ đức Thích Ca rời bỏ cung vua, thăng lên núi Tuyết<sup>4</sup>, trải qua sáu năm khổ hạnh, sau đó thuyết pháp độ sanh, mở lòng từ bi rộng lớn, nhổ gốc mê nhiều đời. Chỉ lòng từ viên mãn mới nói pháp thật tận nguồn, chấm dứt sự hôn mê đánh mất bản tính. Bởi vậy giáo pháp ba thừa<sup>5</sup> tùy căn cơ mà nói ngang nói dọc, nhưng diệu đạo nhất thừa<sup>6</sup> chỉ dạy thẳng sự đốn giác viên thành<sup>7</sup> khiến cho hai cõi Trời, Người không riêng sai nghịch lại tông chủ. Còn riêng nơi đường khổ - hoặc chôn trầm luân lại càng thêm gần ý Phật, chẳng chút trở ngại nào, dầu bị che mờ cũng tìm ra ánh sáng. Bởi tánh đức thường hằng viên mãn nên dù đang thiếu duyên tự giải cũng có cơ nhiếp thọ. Bởi ngài Đạt Ma<sup>8</sup> từ phương Tây đến thực hiện phép chín năm ngó vách, sau đó truyền riêng pháp môn chỉ thẳng, lấy tâm ấn tâm. Nhị tổ Thần Quang<sup>9</sup> xuất hiện đứng dưới tuyết cầu hỏi, chặt tay xin được an tâm, nên bảo rằng có được người truyền nói vậy. Từ đó về sau các Tổ truyền nối nhau, trên mặt pháp thí, thì dùng phương tiện hiển, mật, xa, gần, hoặc dùng phép tán thán,

giảng pháp ngữ, tham vấn, vấn đáp, đối thoại, dùng kệ văn. Hết thầy các phương tiện đều dùng để thúc đẩy dẫn dắt. Và sau đó kết tập thành vô số sách.

Riêng pháp môn Tranh Chấn Trâu này không rõ là của ai, chỉ biết cũng không ra ngoài kinh giáo của Phật tổ. Tranh Chấn Trâu gồm mười bức, bắt đầu ở bức "Chưa Chấn" chấm dứt ở bức "Cả hai cùng vắng bật". Con trâu ban đầu đen rồi trắng ra, và cuối cùng thì không còn nữa. Về sau thiền sư Phổ Minh<sup>10</sup>(10) kèm thêm bài tụng vào mỗi bức. Phần tranh vẽ thì hình rõ ràng mà ý sâu xa, phần tụng thì lời gần gũi mà ý cao vời. Quả thật là một ân huệ lớn cho người học đạo, bổ ích rất nhiều, phương tiện cũng chẳng ít.

Nhưng về tranh vẽ, vốn là pháp môn chỉ thẳng, tiếc thay lại không có lời dẫn trực tiếp. Tôi chẳng nề sự thô lậu của mình, cũng trộm lấy các lời dạy của người xưa, lại góp nhặt, tuyển chọn lời trong kinh điển mà đưa ra làm bằng cứ, rồi xen vào một, hai ý của mình mong nhân đó bỏ tức sự thiếu sót để tiện lợi cho người mới học, dám đâu nhận mình đủ tài biên soạn. Cũng như bệnh có nhiều chứng, thuốc không phải một vị; nên bảo rằng bệnh lành tức thuốc quý. Tuy thuốc tầm thường nhưng cũng chính là cam lồ vậy. Thuốc mà không đúng bệnh thì sâu, linh cũng thành độc hại; há bảo rằng ngọc tiết, san hô là thứ thuốc tốt nhất sao? Phạm là đệ tử sơ cơ của nhà Phật, thì phải lấy sự tu thân mà soi mình. Hễ cứ ham thích trí tuệ ngông cuồng tất có điều sai sót, khó tránh được tiếng chê cười. Tôi nay miễn cưỡng mà viết lời tựa.

Vĩnh Thạnh thứ 15 - tháng 12 ngày mùng 8  
Vía Phật thành đạo  
Kính dâng vô lượng nước Phật

---o0o---

## **QUYÊN THƯỢNG**

### **LUẬN GIẢI VỀ CÁC BÀI TỤNG TRANH CHẤN TRÂU**

*(Tỳ kheo Quảng Trí, hiệu Pháp Thông ở tại Kinh đô nước Việt luận giải)*

#### **NÓI VỀ "CHƯA CHẤN"**

Cúi đầu đánh lễ đáng Viên mãn Chánh biến tri.

Nay con nương tựa vào mười hai phần giáo điển<sup>11</sup> .

Cung kính hướng về các bậc Hiền thánh mười phương.

Cúi xin chiếu ánh sáng chân động, uy dũng vào nơi đây.

Tôi thường dạy bảo các đệ tử: người ta bảo rằng thuốc không cần phải là sâm, linh, đơn, thạch, hễ chữa lành được bệnh tức thuốc tốt. Lời không cần phải bàn bạc hùng hồn, giải thích rộng rãi; hễ xua tan mê muội tức lời hay. Vì thế những thứ mà hạng thầy thuốc tầm thường bỏ đi chính là thứ mà ông Lô Biển<sup>12</sup> nhật lấy. Những thứ mà hạng học trò tầm thường coi nhẹ chính là thứ mà bậc trí sĩ coi trọng vậy.

Cho nên lập ngôn không phải quý ở chỗ bàn luận rộng tuếch vô bổ, mà quý ở chính lời nhắc nhở cảnh tỉnh người đời. Người xưa có nói: Kẻ tội nghi vấn, người đáp, tựa như rút kiếm chém, là để phá nghi. Cũng như linh đơn ra khỏi đỉnh, là bệnh nặng được trừ xong.

Này quý vị! Hãy ngay đây trấn định tinh thần, chỉ một niệm hồi quang là bỗng nhiên tự sáng. Khác chi mặt trời ở giữa không trung bao la tự chiếu, nào phải dụng tâm; tựa hạt minh châu tròn sáng trong mâm không cần ai đẩy mà nó tự chuyển. Ngay lúc này đây mà không nghiên cứu tận nguồn, lại chờ mai sau hỏi an Di Lạc<sup>13</sup> há chẳng muộn sao?

Tôi nay dầu ngu muội, đạo đức tầm thường, học vấn kém cỏi, hành giải mong manh, cũng thấy được những bài tụng của tranh Chấn Trâu là việc căn bản của người tu tập. Ở đây tuy lời văn thì tóm lược mà ý nghĩa lại thâm u, lý diệu huyền, sự hiển lộ. Cho nên trong giây phút phấn khởi niệm tình mà có ý định chú giải, để phổ biến rộng thêm. Dựa vào lời trình bày trên giấy mà bàn thêm "biệt thừa" do vậy thành phép "nói thẳng". Ở đây xin lược dẫn ra một số điều. Nếu như chưa sáng tỏ cho cùng lý, bàn sai, nghĩa trật thì tôi xin sám hối, nếu như lời lẽ đúng nghĩa lý, xin được phổ biến rộng rãi, thì mới không phụ với lời nguyện này. Nên bảo rằng: bậc Thánh bỏ ngõ tám lòng lão bà<sup>14</sup>, kẻ tri âm thì không đợi phải kêu gọi mãi. Nay ở bài đầu về tranh "Chưa Chấn", xin thử nêu ra. Vì trong lúc mê mà tạm nêu giáo lý ba thừa, chứ sau khi giác ngộ rồi mới biết không có một chữ nào cả.

Xưa kia, đức Thích Ca Như Lai thăng đến núi Tuyết, xả bỏ mọi thứ vinh hoa tôn quý của bậc vua chúa mà chịu sáu năm đói lạnh. Vào ngày mùng tám tháng mười hai, giữa đêm sao sáng, lúc mới thành bậc Chánh giác, ngài tự

bảo rằng: "Lạ thay! Tâm này quả là Phật. Tất cả chúng sinh đều có đủ đức tướng và trí tuệ của Như Lai. Chỉ vì vọng tưởng chấp trước mà không chúng ngộ được". Nên tại Bồ Đề Đạo Tràng, ngài mới thuyết giảng kinh Hoa Nghiêm, đó là pháp môn vi diệu về sự viên đốn của nhất thừa, mở bày cho chúng sinh hiểu. Cũng như sách của họ Không truyền lại rằng: "Từ bậc vua chúa đến hàng thứ dân đều lấy việc tu thân làm căn bản".

Còn pháp môn này, trước khi bảo rằng chưa chặn, là cũng chưa biết, chưa biết tức là chưa tu, chưa tu tức là chưa chặn vậy. Sách Nho bảo: "Từ bậc vua chúa đến nhân dân" thì nên biết trong đó gồm cả vương, hầu, công, khanh, sĩ đại phu.

Bậc vua chúa mà chưa chặn là thế nào?

Đó là, thân ở chôn giàu sang, quyền quý, có con trai, con gái, ngọc gấm, châu báu, kho tàng, hàng ngày giải quyết vạn việc, làm sao có lúc rảnh rỗi để "hồi quang phản tỉnh" ngộ hầu có thể chặn được?

Các bậc vương hầu mà chưa chặn là thế nào?

Đây là họ cứ bận lòng con cái, thế thiếp, ngọc gấm, nắm quyền bính, mưu xâm lăng nên không thể chặn được.

Hàng công hầu, sĩ đại phu thì lo đua nịnh quyền thế, đắm say bông lộc, khoe khoang danh lợi, hoặc lo góp nhặt của dân chỉ để cho mình quý hiển, nên không thể chặn vậy.

Còn như đám học trò thì lao tâm nhọc sức mưu đồ công danh, vinh hiển há rảnh được mà chặn đâu? Đến hạng nông, công, thương lo việc sinh sống, phải bận rộn gieo trồng, gánh nước, bửa củi, dệt vải, may vá, gặt, phơi, sàng, giã... bận rộn lăng xăng, siêng năng lao nhọc, đêm ngày lo nghĩ cho đủ sự chi dùng, trăm cách ngàn kế. Nói về chuyện gia đình thì nhiều việc nhỏ nhặt lôi thôi, không bút nào tả hết, chỉ vì gốc nghiệp sâu nặng, ngày tháng miên man làm sao chặn được?

Từ vua chúa đến hàng thứ dân, hãy gác lại không bàn nữa. Còn ngay đây trong bốn hàng đệ tử nhà Phật<sup>15</sup>, do làm được chút ít việc thiện nên sanh làm người, may gặp được truyền thống xưa mà xuất gia, cắt tóc, mặc nâu sồng, lạm hưởng sự cung kính, ăn rồi xúm đầu bàn chuyện huyền diệu, chỉ nói toàn chuyện tạp nhạp của thế gian (Linh Hựu Cảnh Sách Văn), noi theo dấu



cũ tham lam thụ hưởng, chẳng làm nên việc gì hoặc nhiệm phải thói xấu ở đời mà thành thô lậu, hoặc theo dòng ứng phó để mưu lợi dưỡng quên hết sơ tâm, cô phụ chí xuất gia, ngày nào mới biết bật ý, ngưng duyên, phản tỉnh mà chịu chẵn?

Cứ suy các thứ như vậy đều gọi là chưa chẵn.

---o0o---

## LUẬN VỀ CHƯA CHẴN

Hết thấy mê tình đều sinh từ "kiên", dẫm vào thì như rừng rậm, chìm vào thì như biển sôi. Cũng như loài tầm làm kén nơi đẹp là chỗ buộc ràng. Tựa như loài thiêu thân bay vào đèn, chỗ sáng là gốc chôn xác. Cho nên bậc Tiên đạt bảo rằng: Kẻ lãng tử bỏ nhà đáng thương thay! Người lữ hành cô đơn sống trong cảnh lạc loài đói lạnh, mới biết đủ nỗi khổ của kẻ cùng đường, không có cách gì cứu được. Những kiến giải ấy thật là đáng trách. Đây là chỉ mong nghe theo lời Phật mà lại nương tựa vào sự dẫn dắt của ma.

Nay tôi xin thuyết phá rõ ràng, mà thuyết phá ắt bị người ghét. Người xưa có bảo: "Lời nói phải thì không tránh khỏi bị cắt lưỡi". Nên tôi chỉ lược nêu trong đám tăng chúng bản xứ, họ gồm năm loại đọa, năm loại trụ, cộng lại là mười loại người chưa chịu chẵn vậy.

Hạng thứ nhất, là loại do cuồng vọng, tưng tưng mà không chịu chẵn. Sao vậy? Trong kinh có dạy: "Có một loại ma chuyên thích trí tuệ ngông cuồng, không chịu giữ giới tu hành". Họ nắm lấy một cách sai lầm những lời lẽ có tính cách tương tự ở kinh điển mà bảo rằng "phiền não tức Bồ đề; dâm, nộ, si là phạm hạnh". Theo lời mà sinh ra kiến giải, theo sự giải thích mà phát ra sự độc hại. Họ có tâm ý phóng túng, lời lẽ ngông cuồng, tội thực không kể hết. Cứ nói chuyện giải thoát ở cửa miệng, thì thừa và giới đều mất, đều chẳng tu hành. Hòa thượng Vĩnh Minh có dạy rằng: "Khi tập khí<sup>16</sup> bị nghiệp cảnh sai khiến, thì hiện hành sao khỏi sự trói buộc của duyên?", Cũng như bảo rằng: "Ngàn ngày học tập lý giải, không bằng một ngày tu trì giới luật". Sao lại tham cái hư danh của lý sự để phải chịu hậu quả của địa ngục, dối mình, gạt người, chịu trầm luân đọa lạc một cách oan uổng? Đó chỉ là bọn sửa càn, thực đáng thương thay!

Những người này tức là những người không chịu chẵn.

Hạng thứ hai, rơi vào sự chi li mà không chịu chẵn. Sao vậy? Tổ sư dạy: " Có nhiều người thông minh học hết giáo điển, ghi nhớ chương cú, chấp vào cái giả danh của pháp thân<sup>17</sup>, phân tích ra mọi loại danh tướng, thêm thắt chỗ này, bổ sung chỗ nọ. Quanh năm suốt tháng chỉ cố tranh kiến giải của mình, mà chẳng tu hành thực sự". Vì thế nên biết: Đứa bé đói qua hàng thịt nhìn thấy mà nhai ngòm ngoàm, chỉ tăng thêm lòng thèm khát chứ không cứu được bụng đói. Những người như thế chỉ làm khách thiên ngoài miệng, tuy ghi chú chương cú nhưng trong lòng ngã mạn, khinh chê mọi người. Đây là hạnh thô bỉ nhất trong tăng chúng, huống chi là không có công hạnh thực sự! Như thế chỉ làm tăng thêm khẩu nghiệp, thực quả đáng thương! Hạng người này cũng không chịu chẵn.

Hạng thứ ba, bị rơi vào mê cái "Không" mà không chịu chẵn. Sao vậy? Người xưa có dạy: "Kẻ học đạo mới thấy sơ về cái "không" của các pháp, nghe người khác tụng kinh, niệm Phật, lễ bái, làm các pháp tu hành, bèn bảo rằng "pháp tách rời danh tự, nếu chấp vào danh giả và thuyết tạm thì càng tăng thêm sự hư vọng". Hạng người như thế lòng và miệng trái ngược nhau.

Há chẳng thấy kinh Lăng Nghiêm dạy rằng: "Nếu trong định kia mà các thiện nam tử thấy rằng các uẩn<sup>18</sup> tiêu mất, thọ uẩn rõ ràng, tự cho mình đã đủ, tức có phần ngã mạn lớn, ma nhập vào tâm phủ". Họ còn bảo rằng: "Một niệm vượt qua ba tăng kỳ kiếp"<sup>19</sup> để rồi trong lòng xem thường mười phương chư Phật, huống chi các bậc thấp như hàng Thanh văn, Duyên giác. Họ không chịu lễ bái tháp miếu, khinh mạn kinh tượng, cho đây chỉ là vàng, đồng, đất, gỗ rồi bảo rằng "nhục thân chân thường thì không tự cung kính mà lại sùng bái gỗ đất!" Như thế thật là điên đảo, làm nghi ngờ sai lạc cho người sau. Nên biết rằng "Chấp không, phá tướng đều là quyền thuộc của Ma". Cho dù có bảo tất cả đều "không", sống cũng không, chết cũng không, nhưng còn cái không của Đại Diêm vương làm sao như thế được? Thật là đáng thương! Những người này chấp vào không mà chẳng chịu chẵn.

Hạng thứ tư, rơi vào tùy duyên mà không chịu chẵn. Sao vậy? Họ bảo rằng người xưa có dạy: "Theo duyên mà làm tiêu nghiệp cũ, tùy thời mà mặc quần áo thì hãy thuận theo lẽ trời mà vạn hạnh tự đầy đủ, nhắc chân, bỏ chân, có cái gì mà không phải là tịnh nghiệp đâu mà phải làm bao nhiêu chuyện?" Họ lại bảo: Có bực Tiên đức bảo rằng "Tức tâm là Phật", cần chi vào việc tu hành?

Bọn người như thế cũng như con chó đuổi theo cục đất vậy, không biết rằng đó chỉ là nói tạm một lúc của các bậc Tổ sư, vì bệnh mà cho thuốc. Nên biết

rằng: theo duyên thuận thời, không phải là không làm gì cả. Đấy chỉ là nhận lầm Tổ cơ<sup>20</sup>, tướng đá là ngọc vậy, thật đáng thương xót. Cũng vì kiến giải sai lầm như thế mà hạng người này không chịu chừa.

Hạng thứ năm, bị rơi vào hạng ỷ lại quyền thế mà không chịu chừa. Sao vậy? Do họ không biết liêm sỉ, chạy theo danh lợi, quên đạo đức, bỏ bê giới luật, bỏ đi phép tắc, mang lấy tình riêng mà ra vậy. Thế rồi họ lại chê trách người chân chánh tu hành là hạng bỉ lậu, khen ngợi bọn tự đắc ngông nghênh là hạng lỗi lạc. Do đó không biết hổ thẹn gì, chỉ cứ lo nịnh hót quyền thế, ỷ lại chốn giàu sang để mưu lấy danh lợi. Bọn người này không thể hiện được gốc đạo, chìm đắm trong sông ái, biển dục, đành chịu sự trầm lụy. Một ngày kia họa đến, phước hết, trời người đều ghét, làm lụy đến thầy, bạn. Hạng người này cũng không chịu chừa.

Hạng thứ sáu, là thân tuy xuất gia mà chẳng chịu an tâm học đạo. Họ thuận theo cái không của vạn pháp, chỉ mong giữ lấy cái thân huyễn ảo, làm bộ làm dáng bị đọa lạc mà chẳng chịu chừa. Sao vậy? Hòa thượng Thiên Như dạy: "Gần đây có bọn người xuất gia tuy bảo rằng bỏ thế tục nhưng thói quen tục lụy vẫn không chừa". Họ bảo rằng thoát khỏi trần ai, nhưng họ thì duyên trần không dứt bỏ, kinh giáo không biết, tham thiền chẳng hay, tâm vượn<sup>21</sup> rong ruổi, ngựa ý bốn ba, họ nhóm lại thành bầy, qua ngày đoạ thán. Như thế chẳng những uổng phí của cúng dường mà mai một tâm linh của chính họ. Đến khi nhắm mắt xuôi tay biết đi về đâu? Quả thực là muốn vào "cửa không" mà trở nên sống chết hư lãng. Bọn người như thế là bọn vì cơm áo, vì sự yên ổn mà đi xuất gia, thiệt đáng thương xót. Há chẳng biết kinh Bửu Tích dạy rằng: "Cái ngục tham dục vẫn thường bị phiền não trói buộc". Cái ham dơ bẩn luôn bị loài trùng bọ rúc rĩa, tựa như nhà xí, có năm loại không sạch, chẳng khác gì cái bị rách có chín lỗ thường chảy ra. Rắn độc sân hận nổi lên hòng hại người mà làm tổn tuệ mạng. Con quỷ ngu si vì nắm lấy ngã kiến mà nuốt cái thân trí, như bọn giặc ác mà người đời đều ghét, như loài chó chết mà người hiền vứt bỏ. Không cứng rắn, giống như cây chuối, bọt nước, vô thường như ánh chớp, tia lửa. Tuy ăn uống chẳng bao nhiêu mà tạo thành oan trái, mỗi khi được cúng dường lại không biết cách báo đáp lại. Điều đáng trách không phải là ít, thực khó nói cho hết. Nếu không xét lỗi lầm sâu xa này rồi cứ chấp chặt cái bánh vẽ một cách mê muội, thì không thể nào tiến tu được, tức trí tuệ, đức hạnh trở thành thiếu kém, lý sự đều tiêu tan.

Trước hết cần phải biết cái ác, biết các điều sai thì sửa dục mới tiêu được. Nếu đối trị hết từ gốc, thì cái chân nguyên tự hiện ra. Phạm hạng người như thế đều vì bên trong không có sự chiếu sáng của trí, lại bỏ gốc, nắm ngọn,

sáng chiều chạy theo bọn bị động, làm hỗn loạn nguồn chân, vẫn đục dòng tính. Hạng người như thế thì không chịu chẵn.

Hạng thứ bảy, chạy theo việc người, càng ngày càng tinh chuyên mà không chịu chẵn. Vì sao? Kinh Pháp Cú dạy: "Như tờ giấy bao hương, như sợi dây cột cá vậy". Phạm vật vốn tịnh nhưng vì duyên mà khởi thành tội phước. Có bạn hiền minh thì đạo nghĩa càng ngày càng tăng tiến. Bạn bè ngu ác thì tai ương càng ngày càng tụ tập. Giống như giấy sạch gần hương mà thơm, gần vật dơ mà bị hôi hám. Lâu dần thành thói quen đều không tự biết. Tiên đức có bảo: "Thôi, thôi, thôi, hãy tu cho sớm". Khi trời khô tạnh, không chịu đi, lại đợi cho đến lúc mưa xối xả! Bọn người này thuận theo bánh xe nghiệp, đem chôn mất gốc đạo, mà không chịu chẵn.

Hạng thứ tám, dùng Phật pháp để làm việc đời, rồi lười biếng chẳng chịu chẵn. Vì sao? Chỉ vì tài trí không đủ, kiến thức không có mà ra như vậy. Hòa thượng Phật Trí Cốc dạy: "Ngựa hay rong chạy thì không dám giữ chân lại, chỉ còn cách gò dây cương mà chế ngự. Ý thức trôi chảy lung tung thì không thể nương vào duyên và sức mạnh của sự tỉnh thức được". Than ôi! Dùng Phật pháp mà làm việc đời, quả thực là bọn ngoắt đuôi mà xin thương hại, là kẻ không thức tỉnh. Bọn người này thì không chịu chẵn.

Hạng thứ chín, thì lười biếng, uể oải, cầu an mà không chịu chẵn. Vì sao? Chỉ vì họ tự mang, tự bỏ mà ra như thế. Bậc Tiên đức có bảo: "Cái dung lượng tài năng của con người thì có lớn, có nhỏ, nên không thể dạy được". Nên bảo rằng: "Cái nhỏ không thể ôm cái lớn được; dây gàu ngắn thì không thể lấy nước ở sâu". Chim cú ban đêm nhìn thấy loài trùng rất nhỏ nhất rất rõ, nhưng ban ngày mắt lại mờ tối, không thể thấy gò núi, không phân định gì được. Người như vậy, tự cho mình là đủ nên chẳng còn mong cầu gì xa hơn. Sống chẳng có ích gì cho đương thời, chết cũng chẳng để tiếng tăm cho hậu thế. Hạng người như thế thì không chịu chẵn.

Hạng thứ mười, là bọn cờ bạc hư hỏng, tụ tập với nhau, lười mà chẳng chịu chẵn. Sao vậy? Họ chỉ mong cái lợi nhỏ trước mắt mà cứ ôm ấp những mưu kế cầu thả. Họ lại còn bảo rằng: "Cầu đạo thì quá xa vời, chẳng bằng cầu cái lợi thiết thực". Do vậy mà họ quen thói phù hoa, so đo nhỏ nhặt, không tính được cho trọn năm, hướng chi là lo chuyện sanh tử! Việc học đạo càng ngày càng suy, việc tu tập càng lâu càng bỏ phé, tông môn ngày càng hư hỏng. Hạng người như thế thì không chịu chẵn.

Mười hạng kẻ trên tuy gọi là xuất gia mà chưa bỏ hẳn việc đời: mang lấy thân nam tử nhưng không có cái chí của bậc trượng phu. Vì thế Tổ Quy Sơn<sup>22</sup> dạy: "Tiếc thay một đời luống qua, gặp việc thì quay vào vách". Suốt ngày cứ lãng xãng, tối lại thì mê mết, ngã xuống chẳng biết chôn ở đâu. Họ ngồi trong ngục tối, không đạt được yêu chỉ "tức sự tức lý", mà cứ niệm suông câu phá bịnh, phá chấp. người trí thì sâu xa biết bao nhiêu, kẻ ngu thì chỉ bắt chước bề ngoài mà cứ mong thành tựu việc lớn một cách nhanh chóng thì thực khó vậy.

Vì thế, tôi nay xin quảng dẫn tám lòng thâm sâu của chư Phật, chư Tổ mà trình bày rõ ràng đại ý của các kinh luận, mong phá bỏ cái chấp cũ, sửa đổi cái sai lầm trước, cùng nhau theo đuổi dấu tích để lại của các bậc Thánh đời trước, cùng nhau nhận lấy sắc chỉ từ bi của bậc Giác vương<sup>23</sup> không để hư cái trí của mình, không phụ tứ ân<sup>24</sup>, cùng bước vào cửa giải thoát, cùng tiến trên con đường thực hành thành tựu của chư Phật, làm viên mãn trí Bồ đề, chặn lối tà, mở rộng đường trí, làm vững gốc tin mà nhổ gai chấp, vượt khỏi bến khổ của ba cõi<sup>25</sup>, nhập vào biển nguyện của Phổ Hiền<sup>26</sup>, vượt khỏi sự phiêu đảng của pháp giới, tiến lên thành lớn Niết Bàn.

Ngưỡng mong chư Phật, chứng cho lòng thành nhỏ nhất này, mong được phổ biến. Nay kính dâng tập sách.

---o0o---

## NÓI VỀ LÚC MỚI CHẶN

Bài nói về lúc mới chẵn này là bốn phận của giới Tăng sĩ chứ không liên hệ đến thế tục.

Theo sách Vĩnh Gia<sup>27</sup> thì phạm muốn tu Đạo trước hết phải nên lập chí, sau mới làm sáng tỏ các nghi thức của chí mộ đạo, các nghi tắc thờ Thầy, các lời dạy bảo sẵn có. Kế đó là trừ khử cái ý kiêu sa để làm ngưng sự nhiễu động của vọng tâm. Tiếp theo là làm trong sạch ba nghiệp, kiểm xét cho kỹ càng, giữ gìn thân, khẩu, ý, khiến cho các lỗi lầm thô tháp không sinh. Có thể mới điều phục thân và tâm vậy.

Tâm chân thật vốn không hư vọng, tính trí vốn sáng tỏ tinh vi. Do nhìn sai lầm mà sinh ra u tối, làm mất đi sự tinh diệu, để rồi phát sinh trí thức, nên trí chuyển thành thức. Vọng tâm theo hình thì gọi là thức vậy. Tâm vốn không biết, do nơi thức mà biết. Tình vốn không sinh, chỉ do thức mà sinh. Từ đấy

các chủng tử tạo thân nảy sinh mầm mống, nở hoa hữu lậu, kết trái tử sinh, khiến cho người ta nhận lầm bên trong có một vật sáng suốt linh diệu cùng một thể với các sự vật, mà cho rằng đây là "nguyên thân" vậy. Trái lại họ không biết rằng đây chính là ông thần thức của tử tử, sinh sinh, cái chủng tử của luân hồi muôn kiếp.

Vì thế Hòa thượng Cảnh Sầm bảo rằng:

*Học đạo mà không hiểu lẽ chân  
Cứ theo lối cũ nhận thức thân  
Từ vô lượng kiếp gốc sinh tử  
Người ngu cứ gọi bản lai chân.*

Ôi! Người đời cứ nhận đây tớ làm chủ mà không biết, nhận giặc làm con mà không hay. Nên đức Thế Tôn dạy người ta trước hết phải đoạn trừ các gốc rễ luân hồi từ vô thủy vậy. Cái gốc rễ đó một khi được chặt đứt thì cái thức không có chỗ nương tựa, phục hồi cái bản thể thường sáng suốt ban đầu của ta. Nhưng đạo lớn mênh mông, cần phải ngay đây mà hạ thủ. Nên biết rằng: Muốn sửa áo cho ngay thì phải kéo cổ áo, muốn sửa lưới lại cho thẳng thì phải gỡ mối giềng.

Từ xưa, dưới cửa Tổ sư, chỉ nêu có một con đường chính tu hành, dạy người khởi sự từ nguồn suối. Nếu ở đầu nguồn được trong sạch, thì bầu trời luôn luôn hiện ra, niêm thực không thể nào ô nhiễm. Giống như mặt trời đang ở giữa không thì bọ ma quỷ mất tích. Pháp môn tâm địa này là cái đạo không thay đổi của ngàn thánh xưa nay. Vậy nên trái với pháp môn này tức phạm phu, thuận với pháp môn này tức hiền thánh. Không biết nó thì sinh tử bời bời, ngộ nó thì luân hồi chám dứt. Muốn dứt luân hồi thì không có gì bằng thể hiện cái đạo rốt ráo. Muốn thể hiện cái đạo rốt ráo thì không gì bằng quán chiếu bản tâm. Muốn quán chiếu bản tâm thì nên mở rộng mắt nhìn vào gương trống, thường khiến cho trăng sáng lại sáng rực ra. Cứ mỗi khi tập định hay tuệ quán, luôn luôn giữ được cái "trung"<sup>28</sup> của thất tình chưa khởi, luôn luôn giữ được cái thể chưa bị ô nhiễm của tám thức<sup>29</sup> tâm vương. Bên ngoài ngưng các duyên, bên trong dứt các vọng. Kiểm soát cái nhìn của mắt, cái nghe của tai, cái ngửi của mũi, cái nếm của vị. Tay chân không động, khiến cho năm thức, mỗi cái quay về gốc của nó thì năm thứ linh là tinh, thần, hồn, phách, ý, mỗi thứ đều ở yên chỗ của nó. Trong suốt ngày, lúc nào mắt cũng cần nội quán sự rong chạy của con trâu, tai lắng nghe tung tích của con trâu. Cho đến nhất cử nhất động, niệm niệm đều không tách xa con trâu. Nằm, ngồi, đi, đứng đều để tâm vào con trâu này. Không để cho một giây

phút nào là không chiếu rọi vào. Hễ lơ lỏng là trái phạm. Thần quang mới phát ra thì phải thu lại, trước sau không được rời, luôn luôn quán chiếu vào đây như lòng nghĩ đến con thơ vậy. Như ông Tử Tư nói: "Đạo không giây phút nào rời bỏ được!" Trước hết phải giữ lấy điều ấy để làm trống cái tâm mình, rồi tiếp theo phải quên đi để mở rộng cái tâm lượng. Bất cứ lúc nào, ở đâu đều không bị trở ngại và được tự tại. Không những người học phải trừ bỏ sáu thức<sup>30</sup> mà còn phải biết cái trước sau của chúng.

Ý tuy là chủ soái của sáu thức, nhưng mắt thực là đũa tiên phong của năm thằng giặc. Nên Tiên đức bảo: "Tâm là chỗ khu yếu, mắt là kẻ đạo tặc". Muốn điều phục tâm thì trước hết phải nắm lấy mắt. Cái cung phát động tại nơi cơ máy, sự truyền dẫn của tâm là tại con mắt. Cơ máy không động thì cung đứng yên. Mắt không động thì tâm ở yên. Nên biết vọng niệm sinh khởi tức thức căn<sup>31</sup>. Đối cảnh thành vọng, vốn thức chẳng có cái thể riêng. Khi còn là chúng sinh thì trí tuệ yếu kém mà thức mạnh mẽ, nên gọi là thức. Khi vào Phật địa thì trí huệ mạnh mà thức yếu nên gọi là trí. Đây chỉ là sự thay đổi tên gọi chứ không thay đổi bản thể. Cái suối nguồn của tâm vốn rộng rãi trong lặng, do tri kiến mà lập thành tri, do bụi vọng niệm sinh khởi mà tạo nên vọng niệm. Nếu tri kiến mà không thấy thì đây là Niết bàn. Tánh của tri trở thành chân tính lại trở về trong sáng linh diệu, rốt ráo, mà ý niệm tiêu tan. Ý niệm đã mất thì từ thức thứ sáu trở xuống không có cái gì là không mất, gọi là Văn Thù<sup>32</sup> vậy. Một căn đã trở lại bản nguyên thì sáu căn trở thành giải thoát. Đã không có sáu căn, tức không có sáu trần<sup>33</sup>, không có sáu trần tức không có sáu thức, tức không có hạt giống luân hồi. Không có hạt giống luân hồi thì một điểm chân tâm của ta đứng một mình không nương tựa vào đâu, trống rỗng, mênh mông, sáng sủa, trong lặng, vạn kiếp mãi còn, mãi mãi không sinh diệt. Cái pháp môn "trực chỉ nhân tâm"<sup>34</sup> này rõ ràng, xác đáng, thực là rốt ráo, giản dị làm sao! Chỉ cần bồi dưỡng cái nguyên bản mà soi chiếu con trâu này, lâu ngày thuần thực. Tâm thành trống rỗng, hạo nhiên ngưng thần, an nhiên bất động, tịnh nhiên vô tư, khoáng nhiên tâm mở, rõ ràng thấy tính. Đó là sự lột bỏ hết vỏ da bên ngoài, kể đến thấy được sự vật vậy. Công phu đến mức đó thì tự nhiên tinh thần sáng sủa, trí tuệ suốt thông, tâm tính linh động, quảng đại tự tại, nên biết rằng tất cả bậc Thánh, đều dùng cái pháp môn tâm địa<sup>35</sup> này làm phương tiện nhập đạo để thành Phật, thành Tổ, làm bậc Thầy của trời, người.

Kẻ phạm phu không chứng được là do không biết tâm mình. Vì thế kinh Phật dạy: "Tất cả chúng sinh từ bao nhiêu kiếp đến nay, mê muội điên đảo cái bản tâm mà không tự giác ngộ, nhận lầm tứ đại<sup>36</sup> là thân, phan duyên là tâm". Ví như trăm ngàn biển lớn mà không nhận, lại nhận một giọt nước nhỏ nhoi như

vậy. Thế là mê lại tiếp mê, vọng lại tiếp vọng, theo cảnh mà lưu chuyển, để mắt vào cảnh mà sinh tình, nắm bỏ vạn mỗi chẳng lúc nào nghỉ. Từ đó sinh ra nghi hoặc, tạo ra nghiệp báo, quanh quẩn trong sáu đường<sup>37</sup> không thể thoát ra. Từ đầu đến cuối đều mắc phải cái lỗi là lấy hư vọng làm mê mờ lẽ chân thực.

Nên biết rằng ba cõi<sup>38</sup> là do tâm, người mê thì cầu pháp ở ngoài tâm, người trí thì thấy cảnh chính là tâm, cảnh là cái cảnh của tâm, tâm là tâm của cái cảnh. Trước cảnh không bị mê, gặp duyên không bị động. Năng sở<sup>39</sup> thành một, một thể không khác. Nếu có thể đạt đến chỗ hiểu rằng cảnh chỉ do tâm, thì ngộ được tâm mà thành đạo. Hiểu được các vọng niệm từ vô thủy. Nhiếp cảnh về tâm, nhập vào cõi "chân như xuất trần" hưởng được sự "giải thoát ly cấu", mãi mãi hợp vào cái bản nhiên thanh tịnh, thì không còn sanh ra nữa. Các tướng hữu vi của núi sông, đất lớn, như vàng ra khỏi quặng thì mãi mãi không bị ô nhiễm vì bụi bặm nữa. Như cây cháy thành tro thì làm sao sinh ra cành lá được nữa? Một lần được là mãi mãi được, vĩnh viễn thoát khỏi cảnh giam cầm, mãi mãi ở nơi cõi Thánh.

Nhưng đạo lớn nhất thừa tối thượng này, nếu như kẻ có căn khí bén nhạy, thì vượt thẳng vào cõi Như Lai. Còn đối với kẻ căn khí chậm lụt thì làm sao? Tức phải công phu đạt được từ cái học thấp lên cao, phải theo phương pháp dẫn nhập từ từ, khiến cho người ta đi được một bước, lên được một cấp thì có cái quy mô của một cấp. Đó cũng là ý nghĩa của câu "đi xa là do từ gần, lên cao là từ nơi thấp" vậy. Nếu như không biết ra tay hạ thủ công phu lúc ban đầu thì làm sao có thể đạt đến địa vị tột cùng được? Nếu như chưa hiểu hết lòng mình thì làm sao biết tính mình? Nếu chưa tỏ tâm thì làm sao thấy tính? Nên biết rằng sự hiểu rõ tâm là mái chèo Trí vượt qua biển sanh tử. Thấy tính là phương thuốc tốt để trị phiền não. Sau khi rõ tâm thấy tính thì lấy cảnh giới mà an tịnh tâm mình, lấy tinh tiến mà củng cố tâm mình, lấy nhẫn nhục mà làm thanh thản tâm mình, lấy sự giác chiếu mà làm trong sáng tâm mình, lấy trí tuệ mà làm linh lợi tâm mình, lấy tri kiến của Phật mà khai thác tâm mình, lấy sự bình đẳng của Phật mà làm rộng lớn tâm mình. Nếu biết rõ tâm này thì vượt ngay được sinh tử, chúng viên mãn đại Niết bàn. Nếu không thấy rõ tâm này thì muôn kiếp luân hồi mà mất cái chân tính. Cho nên trước sau vẫn không ra khỏi cái tâm này. Ngoài cái tâm này thì chẳng còn có gì là huyền diệu. Tuy bảo rằng có công phu trước sau nhưng chẳng qua cũng chính là thành tựu cái này mà thôi vậy.

Những lời nói trên đây là phương pháp tu hành, là yếu thuật thành tiên, chứng thánh, là pháp môn viên mãn để vào đạo, vào đức vậy. Xưa kia ngài A



Nan<sup>40</sup> là bậc đa văn tổng trì, mà bao năm vẫn không chứng được Thánh quả, cho đến khi ngưng duyên tự phản chiếu mới chứng được vô sinh. Cái tâm của phàm phu chỉ rong ruổi ngoài đường mà thôi. Phàm người học đạo chẳng sợ là không thành mà chỉ lo là không chuyên. Còn cứ luôn tinh tấn, siêng năng thì chưa bao giờ có việc không chứng ngộ cả. Nếu như lập chí không vững, tin đạo không mạnh, sáng làm tối bỏ, ban đầu siêng năng nửa chừng lơ lửng, vui trong chốc lát mà chán nản lâu dài, thế mà muốn vào hàng cùng chư Tổ, há chẳng phải ngông cuồng lắm sao?

Về phương pháp lúc mới chẵn này tôi xin lược nêu vài lời để chư vị cùng chí hướng soi xét. Nếu như không rơi vào chỗ rỗng tuếch và không phải là tà kiến thì may cho pháp môn này lắm, tôi đây cũng được may mắn lắm lắm. Chương này đại khái như thế, người học nên nhận biết, xin chấm dứt.

---o0o---

## **LUẬN THẮNG VỀ LÚC MỚI CHẴN**

Phàm bụi tình được chứa nhóm nhiều kiếp mà sinh ra biển ái. Tựa như làm đẹp kiếm bằng râu, làm sáng ngọc quý bằng bùn. Không mài dũa thì không hiển lộ, phải trừ bỏ cái dơ bẩn mới thành trong sáng. Muốn cho tâm được thanh tịnh, chỉ có cách là làm cho ô trược bị tiêu diệt. Người ngộ thường nên chiếu soi. Người mê cần phải gia tăng trừ bỏ. Còn cái cùm ái, gông tham thì nên suy nghĩ suốt năm, suốt tháng. Đức Khổng Tử có dạy: "Gặp khôn khó mà không chịu học, đây là sự thấp kém của hạng tâm thường". Hết thầy Thánh hiền đều xứng tâm mà làm.

Tính của pháp không cùng, biên của hạnh không lường. Vì thế hoặc chỉ trong một sát na<sup>41</sup> làm trọn ba tăng kỳ kiếp, hoặc trải qua hằng hà sa kiếp không thành một niệm. Đây cũng là do kẻ hiền người ngu. Căn cơ có kẻ nhạy bén, có người chùn lụt, nên giác ngộ có chậm, có nhanh, hoặc mới ngộ nhập nhưng ngưng dứt quá sớm nên trí không vào được con đường vi diệu, khó thắng được tập khí. Một niệm không dứt đó là gốc rễ của sinh tử, bị ngọn gió nghiệp dẫn dắt, sẽ có ngày nhập vào bào thai. Tựa như Tô Đông Pha là hậu thân của Ngũ Tổ Giới hoặc như Thanh Thảo Đường tái sinh làm Lỗ Công. Sau khi đã tạo ra cái nhân thì theo duyên mà luân chuyển, vì thế bảo rằng đạo có tiêu mất mà không có lớn lên, nghiệp có tăng mà không có giảm. Hoặc duyên trí tuệ sâu xa thì không rơi vào ba đường khổ, nhưng việc vào thai ra tạng lại rất đau khổ vậy.

Huống chi những người trong thời mạt pháp hôm nay, căn khí thấp kém, nhân vì sự khổ mà đi xuất gia, phát tâm đã không chân chánh, công phu chẳng thuần thực, thoáng cảm được chút cơ phong của Phật, Tổ qua tri thức ngôn từ, tưởng lầm rằng ngộ được chỗ "bản lai thành Phật", dừng trụ ngay đây vậy. Ý thức nghĩ chưa tới, ngôn ngữ nói không đến, tất cả đều là bất khả đắc<sup>42</sup>. Cái bất khả đắc này cũng bất khả đắc. Lấy câu lấy lời của người xưa phụ họa thì không có chỗ nào là không tương tự. Khi đã có kiến giải như thế thì họ bảo rằng: "Việc cầu tìm đã xong, ta là kẻ đạo nhân vô sự". Biết được phiền não như huyễn ảo thì họ buông thả tình cảm để rồi phóng tứ phiền não. Biết được việc tu hành vốn không thì họ nắm bừa cái ý mà phá hoại việc tu hành. Bảo rằng bố thí vốn không thì họ lại bỏ bố thí mà ôm lấy sự keo kiệt. Bảo rằng nhẫn nhục vốn không, rồi họ lại mang lấy tình mà gác bỏ nhẫn nhục. Hoặc nói về giới thì họ bảo rằng không có giới và không có phạm, cần gì phải coi trọng việc trì giới mà xem nhẹ sự phá giới. Hoặc nói về thiên định thì họ bảo rằng thiên vốn không có định và loạn, cần gì phải bỏ cái loạn mà giữ cái định.

Họ nghe theo tình, thuận theo ý, bỏ qua cái hữu mà nói cái không. Họ cứ bảo rằng thương ghét là ngọn lửa hủy diệt thanh danh và liền làm bốc cao ngọn lửa ấy. Ngọn gió sinh, lão, bệnh, tử mới thổi nhẹ, họ đã bị lay động. Họ tranh người, tranh ta, nói trái, nói phải, thậm chí còn lấy tính nóng làm khí phách, lấy ngã mạn làm tính riêng, lấy đối trá làm cơ mưu, lấy vọng ngã làm phương tiện, lấy phóng túng làm du hí, lấy lời nói bậy làm biện giải, khen ngợi kẻ phá giới luật, không có công hạnh, lại chế diễu xua đuổi bậc tu hành chân chính. Họ chỉ rõ được một phía lý giải nên sự huyền diệu cùng cực thì chẳng rõ tung tích ở đâu. Họ bỏ hết các pháp môn tu hành, cứ theo ý mà nắm tâm, không theo quy củ. Miệng bảo việc niệm Phật, tụng kinh, lễ bái là sự chấp tướng của hàng tiểu thừa, cứ dạy người tu tập, riêng mình vẫn an nhiên. Hoặc suốt năm không lay Phật, suốt năm không sám hối, suốt năm không tụng tới cuốn kinh mà lại có toàn sách của thế gian, ghi lại những thứ hữu. Người hành đạo không nên theo những thói quen ở đời, thế mà nay họ cứ theo thói ấy để xưng là bác học.

Quả Phật bị hư hỏng mà không lo tu, họ cho rằng việc thiện nhỏ chẳng đáng để làm, khiến cho kẻ truyền nối đời sau chỉ ham thích sự danh lợi, chăm lo tìm hỏi kiến giải. Mới biết một tí họ đã cho là siêu việt mà nhập thẳng vào, không còn gì phải nói nữa. Họ trở thành ngông cuồng, ngạo mạn, cống cao, phóng tứ. Miệng chẳng lựa lời, thân không chọn bạn, chẳng kể các tình dục thế gian, để cho chúng tăng mãi mà không có bờ ngăn. Thế thì làm sao dùng lời nói viên hoạt để phá tan cái cửa nhân quả? Làm sao tự ngộ và làm sao cho

người ngộ được? Làm sao thoát khỏi trầm luân? Nếu không bị loài ma bắt, chắc chắn cũng sẽ rơi mãi vào ba đường khổ<sup>43</sup>. Núi đao rừng kiếm báo ứng cho cái nhân đã gieo. Mang lông đội sừng để trả cho cái quả sẽ đến. Chớ nên bảo rằng ta là kẻ đã giác ngộ, giải thoát hoàn toàn, không còn bị nghiệp trói buộc. Phải bảo rằng không bị nghiệp trói buộc, thì không có ý nói có nghiệp rồi thành không, mà chính là nói không có nghiệp cho nên không bị nghiệp trói buộc. Lúc sống theo cảnh bị xoay chuyển, huống chi lúc chết làm sao không theo nghiệp để thọ sanh?

Vì thế một phút có tướng tham sân trước mắt chính là hình tướng của con rắn độc dữ. Một giây mang tướng tham trước mắt tức là loại quỷ đói vậy. Cái nhân vô hình trong chốc lát thực là nhỏ nhưng cái quả báo hữu hình theo sau thực là lớn. Một niệm dù rất nhỏ nhưng cũng được ruộng thức giữ lại, dù trải qua hàng vạn kiếp rồi cũng không mất đi được. Vì thế các bậc Cổ đức có dạy: "Những nhà hiền triết trước sau trí lớn tâm rộng, luôn luôn nghiên cứu lý lẽ mà không lúc nào quên. Có hạnh tiềm ẩn mà thần linh không đo được. Suốt ngày như đi vào vực sâu, như đạp lên băng mỏng". Chúng được thì tự nhiên cứu được sinh mạng của mình. Trọng chân thật mà không trọng sự hư dối, quý việc làm mà không quý sự nói suông, bước qua "hữu" mà không trú vào cái hữu, làm hạnh "không" mà chẳng chấp trước cái không, theo việc thiện nhỏ mà tích tập thành công lớn, nhờ nhân nhỏ mà thành quả lớn. Huống chi người thời nay vô minh, phiền não cháy bùng không dứt, muốn lấy kiến giải tương tự<sup>44</sup> để tiêu trừ nghiệp ác, ngõ hầu ra khỏi ba đường khổ thì không thể được vậy. Những kẻ như thế không thể lấy cái ít làm đủ mà phải theo đúng lời Phật dạy để tu hành, thì mới khỏi bị trở thành kẻ tu thiền bằng đầu môi chót lưỡi.

Nếu như nương vào kiến giải tương tự mà nói cho được sướng miệng, thì chẳng khác nào loài tằm ăn lá cây mà thành vải? Như loài chim biết hót vu vơ, tuyệt chẳng có ý nghĩ gì. Phiền não không giảm mà ngã mạn lại tăng. Đó chỉ là nắm một cách sai lầm cái tà không, chứ chẳng phải đạt một cách thiện hảo cái pháp thể. Cái dòng mạch của cửa ngộ đời nay, tuy bảo rằng không dứt, nhưng kẻ học thiền ở Trung Quốc đông như lúa, như mè mà kẻ chứng được giác ngộ vì diệu có được mấy người? Bảo rằng từ thời Đường Tống đến nay, có được vài ba vị cư sĩ tại gia, cứ một đường thẳng mà lưu thông pháp này. Nhưng đã là cư sĩ thì không giống với hàng Sa môn, Thích tử. Cần phải có giới luật để bó buộc thân, mới có thể đem thân vào nhà lửa<sup>45</sup>, nhúng tâm vào trong biển phiền não mà không sao. Tuy cần đáng nhiều việc, nhưng bên vẫn lơ mờ trước ngưỡng cửa vào đạo. Ấy là vì đạo lực còn kém vậy. Hoặc có kẻ văn hay chữ tốt, phong lưu tuyệt vời, như các ông Hoàng Lỗ Trực, Bạch

Lạc Thiên, Tô Tử Chiêm, đạo học như ông Hồ Khang Hầu, Trương Tử Thiên đều được liệt vào sách Truyền Đăng. Nhưng những vị này đều chưa được gọi là hoàn toàn vô ngại. Huông chi bọ cuông giải đời nay, rơi vào danh, chấp vào tướng, tức là bọ phạm phu hủ lậu. Nếu như bài bác nhân quả, tức là bọ ngoại đạo chủ trương không kiến. Lại có hạng chướng ngại sâu dày, trí tuệ cạn cợt, học hành không rõ, cái tà nhập vào xương tủy, làm chôn mất chân tính của mình, hoặc vì giới pháp sơ sài, cương thường rối loạn mà phạm vào giới cấm, hoặc vì giáo lý chưa rõ ràng, nói năng bậy bạ vô nghĩa mà rơi vào ngoại đạo, hoặc vì không giữ hạnh nguyện nên mê lầm vào đường tà, bị rớt vào cõi ma.

Than ôi! Muốn cho người ta không nghi ngờ thật là khó vậy. Tôi đây không phải là kẻ thông mẫn, nhưng quả thực thương cho họ lắm, chẳng biết làm sao hơn! Người xưa có bảo: "Đặt tay mà kéo người khác đi thì không thể được, chỉ khi nào người ta chịu đi mới được". Sách Khải Phát của Tổ Quy Sơn dạy rằng: "Muốn hưng khởi cái chí quyết liệt, muốn mở rộng cái ước mong thành đạt, phải nhìn vào bậc thượng trí đừng theo hạng tầm thường". Trong đời này phải cho xong dứt sự suy nghĩ, lo liệu, không thể do người khác. Chôn phồn hoa huyên náo nên tránh xa. Những chỗ như lầu ca, quán rượu, ân nghĩa quen thuộc, thi đàn, văn xã, đấu chương trích cú, phê bình việc xưa nay, so dài tranh ngắn, thuyết giảng thứ học thuật vô nghĩa, vô vị, các nhà lý luận kém trí tuệ khoe danh giải thích sai lầm về sự đốn ngộ trong các tông thừa, khinh thị giới luật, những chỗ như thế đều phải tránh xa. Những đám làm loạn đạo như thế cùng với loài ma có khác gì? Nếu như rời xa các chỗ ấy thì mọi đạo nghiệp đều trở nên rõ ràng. Người xưa còn bảo rằng: "Tất cả ngộ cơ, nếu không có bạn thì không phát ra được. Tất cả ác pháp, nếu không có bạn thì không ngưng lại được". Như nhà Nho bảo: "Lấy văn chương mà kết bạn, lấy bằng hữu để bỏ tức ý nhân". Ví như tính của gió tuy là không, do vì thổi qua rừng chiên đàn mà gió có mùi thơm kỳ diệu, do vì thổi qua đám phân dơ mà có mùi hôi hám. Bạn bè cũng như thế. Vì vậy tu hành cần có bạn, mới phân biệt rõ ràng sạch dơ.

- Một là bạn bè ở chốn rừng núi an nhàn, thì mới có thể giúp làm ngưng cái tâm nóng nảy.

- Hai là bạn nghiêm trì giới luật thì có thể làm phai nhạt ngũ dục<sup>46</sup>.

- Ba là bạn có trí tuệ rộng lớn mới có thể giúp ra khỏi bến mê.

- Bốn là bạn học hành uyên bác mới có thể giải quyết những điều khó khăn nghi ngại.
- Năm là bạn trầm tĩnh, mặc nhiên mới giúp thanh thản, tiến thủ được.
- Sáu là hạng bạn khiêm tốn, nhẫn nhục thì giúp tiêu trừ ngã mạn.
- Bảy là hạng bạn lòng thẳng nói ngay mới có thể ức chế được các lỗi lầm.
- Tám là bạn đồng dũng mãnh, tinh tiến, mới giúp thành được đạo quả.
- Chín là hạng bạn xem thường của cải, thích bố thí mới giúp phá được tính keo kiệt, bòn xén.
- Mười là bạn nhân từ che chở cho muôn vật mới giúp đuổi trừ được sự chấp ta, chấp người.

Nếu không được số bạn trong sạch như thế, thì nên ở riêng một nơi, tự phân biệt lấy đạo nghiệp. Hãy lấy tượng Phật làm thầy, lấy Kinh Luận làm bạn, còn như bọn chơi đùa kia thì nên dứt sự liên hệ. Như vào trong vườn, tuy không có loài hoa đẹp, cũng không nên trồng cỏ thối, chẳng ích gì cho cái tâm thương thức mà làm tăng lòng chán ghét. Vì thế Hòa thượng Vĩnh Minh có dạy: "Thân ta đang ở trong biển khổ phải nhờ vào các bậc Thiết la hán, chứ khi đã rời biển khổ thì phải bỏ cái bè mà lên bờ". Nên bảo rằng như người trong lòng mang Thánh thai, thì lời nói dũng mãnh khác người, không chút do dự gì là đấy vậy.

Như có người xem qua bản luận cho rằng lời của kẻ hèn này là đúng, nên mau cải hối mà sanh sự hổ thẹn, phát đại dũng mãnh mà tự mang lấy bản lĩnh. Đời nay không xong thì đợi đến lúc nào? Xin nhớ rằng từ cõi phàm vào cõi thánh chưa từng có việc không tu mà đạt được. Nếu muốn thấy rõ cái bản phận mình và đời nay nắm được sự lý rốt ráo thì xin xem phần dưới đây, giải mười bài tụng mà rõ trước sau vậy.

---o0o---

## **QUYỀN HẠ**

### **LUẬN GIẢI VỀ CÁC BÀI TỤNG TRANH CHẶN TRÂU**

*(Tỳ kheo Quảng Trí, hiệu Pháp Thông ở tại Kinh đô nước Việt luận giải)*

Trước khi giải thích về các bài tụng tranh chăn trâu, xin đưa ra phần hỏi đáp sau đây để được sáng tỏ.

Kính nghe, đạo Tổ lúc hưng khởi, phần Bồ đề vi diệu đã làm mới mẻ hai cõi. Pháp ấy quả là ngọn gió chân thật, loại sương kỳ đặc, do ngài Đạt Ma đầu tiên truyền bá ở cõi Đông (Trung Hoa). May được ngài đem đạo Tổ từ phương Tây (Ấn Độ) đến, bí mật bày ra yếu chỉ Biệt truyền. Linh cơ bỗng ngộ, trở lại cái không ban đầu của "tâm vô thánh". Ngài bề càn lau mà vượt qua sông, chín năm ngó vách, công phu cao vợi. Một chiếc giày quay về, ngàn thuở đạo mãi mãi hưng thịnh. Ân đức thấm nhuần khắp chốn, rừng thiền nảy nở vun bồi. Gương tuệ treo cao, đất học càng phát huy rực rỡ. Cho nên đạo Tổ tùy nghi, cứ theo đời mà rút cuộc vẫn tịch lặng, chưa từng xả bỏ lòng từ, cho đến nay có ai dám chôi cãi điều ấy? Chánh pháp nhãn tàng<sup>47</sup> chính do Phật, Tổ truyền lại, rõ ràng cửa cam lộ lớn lao thực là nơi người học hưởng đến. Mở rộng tu hành quán xét, những ai bỏ phạm vào Thánh đều lặng lẽ chẳng để dấu vết. Cái yếu chỉ của đức Phật chúng ta xưa nay, vốn thông suốt trời đất, khó nghĩ khó dò, công phu của tự tính là chung và thủy tự tràn. Chỉ vì tâm cấu uế chưa dứt, nếu dứt được, tức Bồ đề. Khi ấy tâm sạch dơ đều sáng, xưa nay là Phật vậy.

Phật Tổ tùy nghi mà bày ra các giáo pháp. Kẻ tu trước hay sau, ai ai cũng được các ngài ban bố. Đó là việc xuất tính, tu thân để đạt đạo trong đời này. Vui theo tự nhiên mà biết rõ cái mệnh, thì đạt được cảnh thiền thoát ngoài sự vật. Khóa vàng bỗng mở, chẳng kể mình hay người được giải thoát. Mối nghi đã phá xong thì có gì để so đo! Nên bảo rằng: "Tuy nguồn không hai ngã, nhưng phương tiện có nhiều đường".

Loại tranh này là tranh "chỉ thẳng", vốn dùng cho hạng sơ cơ đến hạng trung bình. Riêng hạng có trí tuệ nhạy bén thuộc căn khí đại thừa thì ở đây không bàn đến.

Luận rằng:

Trong kinh có dạy: "Chỉ vì gió cảnh thổi động khiến cho sóng lớn nổi lên".

Sóng với nước tuy khác nhau nhưng tính của chúng chỉ là một. Tuy nhiên nước hay chở thuyền, sóng làm lật thuyền. Vì thế các tranh này gọi thức thứ sáu là người chăn và năm thức kia là con trâu.

Hỏi: Người chẵn là thế nào?

Đáp: Như người học có thể chuyển biến để quan sát kỳ diệu. Thấy sắc không làm sắc; nghe tiếng không chấp tiếng; thom, thối không nê; ngọt, đắng một vị; thô, tế đồng thể. Cứ thế mà thành trí tự nhiên, đó chính là cái thức thứ sáu tức người chẵn vậy.

Hỏi: Vì sao gọi năm thức kia là trâu?

Đáp: Năm thức này, mỗi cái đều có phần việc riêng. Mỗi cái đều dựa theo cái thể của nó. Chỉ vì do căn<sup>48</sup> trong, trần<sup>49</sup> ngoài, hợp nhau mà thành. Tội và nghiệp do đó mà sinh ra. Như người học chuyển thức thành trí để hoàn thành công phu tu tập. Do vậy năm thức kia là trâu.

Hỏi: Do ý nghĩa nào mà trên tranh lại vẽ thêm tranh?

Đáp: Dụng<sup>50</sup> từ thể<sup>51</sup> mà khởi sanh. Có thể rồi thì dụng mới thể hiện. Cổ đức dạy: "Tâm vốn không, cảnh vốn lặng". Theo cái lý của thể thì sai khác, thể mà không sai biệt. Một, hai không ngăn ngại thì mới vào cửa "bất nhị"<sup>52</sup>. Thể, dụng không trái nhau thì mới vào cảnh chân như<sup>53</sup>. Nên bức tranh ở trên là thể, bức ở dưới là dụng vậy.

Hỏi: Mạ (lúa non) tốt là gì?

Đáp: Năm thú dục trong cõi trần gọi là mạ tốt.

Hỏi: Dây thừng là gì?

Đáp: Kiên trì giới luật gọi là dây thừng.

Hỏi: Cây roi là gì?

Đáp: Ý chí cứng rắn là cây roi.

Hỏi: Vì sao con trâu lúc đầu bị đen?

Đáp: Do lâu ngày đắm say ở cõi đời, bị ô nhiễm năm thú dục mà thành đen.

Hỏi: Vì sao về sau con trâu lại trắng?

Đáp: Đây là màu sắc chân thật của con trâu thuở ban sơ trời đất.

Hỏi: Vì sao trước hết là quên trâu?

Đáp: Đây là do năm căn trở về với bản nguyên, nên trâu được quên trước.

Hỏi: Vì sao không thấy cả người lẫn trâu?

Đáp: Đó là cái tình Thánh, phàm đã chắm dứt. Năm uẩn đều mất, về sau trí Bát nhã<sup>54</sup> đầy đủ. Tâm và cảnh đều mất, nên bảo rằng người và trâu đều không thấy.

Hỏi: Tướng của viên mãn xuất hiện là thế nào?

Đáp: Đó là trở lại cái mặt mũi xưa nay<sup>55</sup> của ta vậy.

Khi bàn về lúc chưa chẵn có hai ý: chung và riêng. Hết thấy sang và hèn gọi là chung. Tại gia và xuất gia gọi là riêng.

---o0o---

## BÀI TỤNG CỦA PHỔ MINH THIỀN SƯ VỀ TRANH THỨ NHẤT CHƯA CHẴN (VỊ MỤC)

Hình ảnh

Phiên âm:

Sanh nanh đầu giác tứ bào hao,  
Bôn tâu khô sơn lộ chuyển giao.  
Nhất phiên hắc vân hoành cốc khẩu,  
Thùy tri bộ bộ phạm giai miêu.

Dịch:

Đầu sừng dữ tợn rỗng hung hăng,  
Vượt suối xuyên ngàn mãi chuyển băng.  
Một đám mây đen giăng cửa động,  
Lúa non dầm nát biết cùng chăng?



Giải:

Hung dữ thô bạo, ngu xuẩn mà cứ khoe khoang đùa lộng. Chạy theo trần cảnh mà chẳng chịu quay đầu lại. Vô minh bao che cái tâm, gây điên đảo chướng ngại nặng nề. Khởi một chút động niệm của tâm thì liền sai với "cửa pháp".

Luận:

Tất cả bọn ngu ngoan, hung dữ, tính tình giống như loài vượn, loài ngựa, không theo pháp luật. Trên không sợ lẽ trời, dưới không tin có địa ngục. Khi tối tâm không sợ quỷ thần, lúc sáng sửa không kiêng phép nước, chỉ dựa vào sức mạnh hà hiếp người yếu. Cho nên nói một đời nanh sừng mà còn khoe khoang dũng mãnh. Do cái hung bạo ngu si ấy nên bảo rằng gằm thét chẳng kiêng ai. Kết bè đảng để làm việc ác, lập nhóm kết đoàn chạy theo trần cảnh, nghiệp thức mang mang, đây là chạy rong khắp khe núi, đường này qua đường khác. Chỉ vì vô minh che mắt ruộng tâm, nên gọi là có đám mây đen che ngang miệng hang; do tham khởi sân, do sân khởi si, tạo nên các thứ tội lỗi mà không nghĩ rằng như thế là làm tổn hại kẻ khác. Nên bảo rằng: "Chẳng biết tới ai", chỉ say đắm theo năm thứ dục lạc, tức từng bước xâm phạm vào chỗ mạ tốt.

Những lời giải thích trên đây là nói đến việc thế gian dính mắc vào cái nghiệp đen tối rồi tạo thành các thứ oan khiên sâu nặng. Người xuất gia không phải như thế, nên Hàn Sơn<sup>56</sup> viết:

Bậc thượng nhân có tâm mạnh mẽ, nhạy bén, mới nghe thì hiểu ngay được lẽ vi diệu; hạng trung lưu thì tâm thanh tịnh, phải suy nghĩ kỹ mới hiểu được yếu chỉ; còn hạng thấp hèn ngu độn rất khó lột lớp ngoan si để hiểu được, đợi đến lúc nguy nan mới từ bỏ sự ngoan cố. Xem và nắm cho được thằng giặc mở mắt, cái cọc để hạp người cho đông chợ, xác chết vứt bỏ như bụi, lúc ấy biết nói với ai?

Kẻ nam nhi đại trượng phu,  
Một đao đứt tuyệt;  
Kẻ mặt người lòng thú,  
Biết lúc nào dừng.  
Đây là lời của bậc thánh từ xưa,  
người có trí phải nên ghi nhớ.

Lời giải riêng:

Mất giới luật thì tình kia thô tháo.  
Đuổi theo lợi danh thì khó tỉnh một đời.  
Vô minh che lấp làm mờ đi chơn tâm.  
Hễ khởi lên động niệm của tâm liền sai với cửa pháp.

Luận rằng:

Dù cho cao tuổi mà không có giới đức, uổng cho cái tâm cao vời, không chịu gàn gũi bạn tốt, chỉ biết kiêu ngạo, cứ ở riêng một nơi, cứ ý mình mà lãng nhục người khác, thế nên bảo rằng sinh ra có đầu sừng hung dữ. Lại hay rộng miệng la lối mà không suy nghĩ, nên gọi là hồng hách chẳng sợ ai, để rồi theo duyên bám cảnh, đạo học thô sơ, không thể quay về phản tỉnh, nên gọi là chạy rong khắp khe núi, qua đường này đường nọ. Chẳng có tuệ quán, chẳng biết hổ thẹn, cứ chủ trương sai lầm về thị phi nên gọi là có mây đen giăng qua miệng hang. Không biết suy nghĩ, bên trong không giữ được niệm, miệng nói lời không đúng, không theo kinh luật, đối với người nào cũng vậy, việc gì cũng thế, nên bảo rằng chẳng cần biết đến ai. Nếu cứ như thế thì chẳng ích gì cho tâm đạo mà còn làm thương tổn đến thực đức của mình. Không tiến bộ về đạo và trang nghiêm bản thân, chỉ lo cho đầy đủ ăn, mặc, ngủ, nên gọi là bước bước xâm phạm vào đám mạ tốt.

---o0o---

## **BÀI TỤNG CỦA PHỔ MINH THIỀN SƯ VỀ TRANH THỨ NHÌ MỚI ĐẤT (SƠ ĐIỀU)**

Hình ảnh

Phiên âm:

Ngã hữu mang thẳng mạch ty xuyên,  
Nhất hồi bồn cạnh thống gia tiên.  
Tùng lai liệt tánh nan điều chế,  
Do đắc sơn đồng tận lực khiên.

Dịch:

Ta có dây thừng xỏ mũi trâu,  
Mỗi lần nó chạy, đánh roi đau.  
Xưa nay tánh xấu khôn điều chế,  
Nên kẻ chần kia phải dãi dầu.

Giải:

Giữ thân hành động theo pháp luật thì không bị sai suyễn bao giờ.  
Buông lung tình cảm thì luôn bị khổ đau.  
Kẻ sơ cơ sức yếu rất khó câu thúc được sự tán loạn, hôn trầm.  
Phát tâm lập chí thì phải ra công khổ nhọc.

Luận:

Ví như viên ngọc ma ni to lớn, thể tính sáng sủa, sạch trong mà bị các chất dơ bẩn bám vào, nếu người biết vậy mà không dùng phương tiện mài dũa gạn lọc thì rốt rồi không được thanh tịnh. Cũng vậy, với pháp chân như, nếu không dùng phương tiện xông ướp thì cũng không được thanh tịnh. Há chẳng thấy mười lực<sup>57</sup> của Phật, có hai lực<sup>58</sup> quan trọng nhất: do nghiệp lực mà vào con đường sinh tử, rồi do định lực mà ra khỏi sinh tử đó sao? Bài tụng bốn câu về "Mới dất" này đại ý như thế.

---o0o---

## BÀI TỤNG CỦA PHỔ MINH THIÊN SƯ VỀ TRANH THỨ BA CHỊU PHÉP (THỌ CHẾ)

Hình ảnh

Phiên âm:

Tiệm điều tiệm phục tức bôn trì,  
Bộ thủy xuyên vân bộ bộ tùy.  
Thủ bả mang thẳng vô thiếu hoãn,  
Mục đồng chung nhật tự vong bì.

Dịch:

Trâu dãn chịu phép thôi lung chạy,

Vượt nước, qua mây bén gót người.  
Trẻ nắm dây thừng quên nhọc mệt,  
Trợn ngày chăm chỉ chẳng hề lời.

Giải:

Ở kẻ ngu, động và tịnh, thể vẫn an nhiên. Nơi người phàm, nhiễm và lậu, tính lại tự thành.

Cứ quyết chí mà gia tăng sự tinh tiến thêm một bước. Đây là kẻ phấn đấu không nghĩ đến thân, cứ chuyên tinh cho đến đạo.

Luận:

Như Hòa thượng Dũng Tuyên dạy: "Ta ở đây đã bốn mươi năm thế mà có lúc vẫn có tẩu tác". Hòa thượng Đàm Hối bảo: "Việc này thực hết sức khó, phải có tâm quý mới được". Nói tâm quý tức: thẹn với bạn bè gọi là tâm, thẹn với đạo hữu gọi là quý. Người ấy là ai, ta đây là ai, há ta chẳng có đủ các thứ chẳng?

Đại phàm người hành đạo nên nâng cao ý mình, quyết liệt tâm mình, lấy việc xuất thế làm hoài bảo, lấy việc sáng tâm làm cứu cánh của mình. Sáng lo nghiền ngẫm, tối lo suy tư, không lúc nào ngừng nghỉ. Sau đó chẳng biết chẳng hay, lướt mắt ngộ đạo.

Nên bảo, trời sinh đức Di Lạc, đất nảy đức Thích Ca. Không cầu mà tự đến, không làm mà tự nên. Bài tụng này đại khái như thế.

Hình ảnh

---o0o---

## **BÀI TỤNG CỦA PHỔ MINH THIÊN SƯ VỀ TRANH THỨ TƯ QUAY ĐẦU (HỘI THỦ)**

Hình ảnh

Phiên âm:

Nhật cửu công thâm thủy chuyển đầu,  
Điên cuồng tâm lực tiệm điều nhu.  
Sơn đồng vị khăng toàn tương hứa,  
Do bả mang thằng thả hệ lưu.

Dịch:

Lâu ngày chịu phép mới quay đầu  
Tâm lực điên cuồng chuyển, chuyển nhu.  
Người dốt vẫn còn chưa chịu thả,  
Dây thừng giữ chặt, dăm lơ đầu.

Giải:

Lâu ngày dùng công phu làm cho thuận thực dần.  
Hai ma hôn trầm, toán loạn dần dần được hàng phục.  
Công phu đến đây rồi lại phải gia tăng tinh tiến.  
Ngâm cầm roi, mật luyện tập không thể buông lơ.

Luận:

Như kinh có dạy: "Lý nên ngộ liền. Thừa ngộ xong nên bỏ. Sự không thể trừ ngay được, cần phải đoạn dứt dần cho đến hết". Nên ngài Quy Sơn dạy: "Tuy được một niệm đốn ngộ tự tâm, vẫn còn có tập khí từ vô thủy, chưa thể dứt ngay được, nên cần phải tinh tấn thì mới trừ xong". Hãy cứ tu như thế thì mới trừ sạch được hiện nghiệp, lưu thức. Cứ sạch tâm tư, bỏ lo lắng, xả cái cũ, thu cái mới. mặc áo vi diệu của thượng hạnh<sup>59</sup>, uống vị huyền linh của đề hồ<sup>60</sup>. Cứ như thế thì đạo lớn mới được tu, được chứng. Duyên trần cảnh cứ mỗi ngày mỗi tiêu.

Hòa thượng Lý Văn có bài tụng rằng:

Âm:

Học đạo tu thị thiết hán,  
Thủ bả tâm đầu tiện phán.  
Trực siêu vô thượng Bồ đề,  
Nhất thiết thị phi mạc quản.

Dịch:

Học đạo nên là kẻ vững vàng,  
Đầu tâm chộp được, chẻ phanh ngang.  
Nhảy lên thẳng tới Bồ đề quả,  
Hết thấy thị phi thật chẳng màng.  
Hòa thượng Long Nha Tài có dạy:

Âm:

Học đạo như toàn hỏa,  
Phùng yên vị khả hưu.

Dịch:

Học đạo như dùi cây kiếm lửa,  
Chưa ngừng khi gặp khói bay lên.

Bài tụng "Quày Đầu" này đại khái ý nghĩa như thế.

---o0o---

## **BÀI TỤNG CỦA PHỔ MINH THIỀN SƯ VỀ TRANH THỨ NĂM NGOAN NGOÃN (THUẦN PHỤC)**

Hình ảnh

Phiên âm:

Lục dương âm hạ cỏ khô biên,  
Phóng khứ thâm lai đắc tự nhiên.  
Nhật mộ bích vân phương thảo địa,  
Mục đồng quy khứ bất tu khiên.

Dịch:

Dưới bóng dương xanh, khe nước xưa,  
Buông buông, nắm nắm, mặc tình ta.  
Cỏ thơm, chiều xuống vùng mây biếc,  
Trẻ khỏi cần chăn, vẫn tới nhà.

Giải:

Chôn phồn hoa huyên náo, hoặc chỗ cảnh sắc thanh u, đều không bị ràng buộc vì cảnh, đến đâu cũng thông dong tự tại. Trước mắt tuy có ngàn việc sai khác, nhưng trong lòng chỉ có một cảnh mà thôi. Sự tán loạn của tâm đã dứt, cứ thuận hợp với cửa định.

Luận:

Hòa thượng Cao Phong dạy: "Cái pháp môn thuần thực này cũng như người bắn giỏi vậy. Đưa cung bắn một mũi tên vào không trung, rồi lấy mũi tên khác bắn vào đuôi mũi tên trước, các đuôi tên đều khít vào nhau. Các mũi tên sau đều bắn trúng vào đuôi mũi tên trước, đầu đuôi vừa khớp trên dưới một mối, vẫn ở trên không rất lâu mà không rớt xuống". Cho nên cái công phu tinh tiến thuần thực quyết chẳng phải do thần lực mà đến được. Phạm việc dụng công tu học cũng phải được như thế. Nên biết người có công phu thuần thực thì đi xa ngàn dặm cũng chẳng kinh sợ, có vạn loài ma quỷ quấy nhiễu mà chẳng quay đầu là vì sao? Đó chính là vì có lòng thâm thiết vậy. Hòa thượng Kiến Nam dạy: "Từ khi biết được viên ngọc sáng mà này thì Thích, Phạm, Luân vương cũng đều chẳng cần".

Bài tụng "Ngoan Ngoãn" này ý đại khái như thế.

Hình ảnh

---o0o---

## **BÀI TỤNG CỦA PHỔ MINH THIÊN SƯ VỀ TRANH THỨ SÁU KHÔNG NGẠI (VÔ NGẠI)**

Hình ảnh

Phiên âm:

Lộ địa an nhiên ý tự như,  
Bất lao tiên sách vĩnh vô câu.  
Sơn đồng ổn tọa thanh tùng hạ,  
Nhất khúc thẳng bình lạc hữu dư.

Dịch:

Thích ý nằm yên giữa đất bằng,  
Cần chi roi đánh với dây ràng.  
Cội tùng mục tử ngòi êm ả,  
Tiếng sáo thanh bình vui thổi vang.

Giải:

Mặc ý nổi chìm theo duyên phóng khoáng.  
Không buông lung xa xỉ, mà chẳng câu thúc tiêu tiết.  
Tắm lòng thanh thản đi vào núi rừng hoặc thành thị.  
Chẳng có ai là tri âm, chỉ nhàn nhã tự biết mình.

Luận:

Đức Tam Tổ dạy:

Chớ theo duyên thấy có,  
Chẳng dừng chỗ tưởng không.  
Một tâm này chẳng hờ,  
Tự nhiên lòng lắng lòng.

Nên ngài Tam Triệu có luận: "Bậc thánh để tâm vào cái hữu mà không hữu, ở chỗ vô mà không vô". Nên hòa quang đồng trần<sup>61</sup> quanh quất trong năm đường, đi vẫn an nhiên, đến vẫn tự tại. Dừng dung chẳng làm gì nhưng không có gì là không làm<sup>62</sup>. Bậc thánh nhân ấy rũ tay mà dạy người, đi về trong năm loài mà tiếp hóa chúng sanh. Tuy có đến có đi nhưng không hề có tướng đến đi. như ngài Phật Quả nói: "Hồn hậu đoan trang", ngài Diêu Hỷ bảo: "Điều đạt, hoạt hoãn", ngài Cao Phong gọi: "Giản luyện, tinh nghiêm", ngài Huyền Trụ cho là; "Tường minh, thôi sáng". Nên bảo rằng cửa u huyền tuy mở ra đây, nhưng sự ứng giải của các vị Thánh không giống nhau. Nếu không có gốc thì không để lại dấu tích, không có dấu tích thì không bày tỏ được cái gốc. Gốc và tích tuy khác nhau nhưng cũng chính là cái một không nghĩ bàn được.

Bài tụng "Không Ngại" này ý đại khái như thế.

---o0o---

**BÀI TỤNG CỦA PHỔ MINH THIÊN SƯ VỀ TRANH THỨ BẢY  
THEO CUỘC (NHẠM VẬN)**



Hình ảnh

Phiên âm:

Liễu ngân xuân ba tịch chiếu trung,  
Đạm yên phương thảo lục nhung nhung.  
Cơ xan khát âm tùy thời quá,  
Thạch thương sơn đồng thụ chính nông.

Dịch:

Sóng xuân lặng chiếu liễu bên bờ,  
Khói nhạt cỏ thơm xanh mơn mơn.  
Ngày tháng, đói ăn cùng khát uống,  
Mục đồng trên đá ngủ say sưa.

Giải:

Việc ăn uống hàng ngày không bị say đắm, vào chỗ phồn hoa huyên náo,  
Nơi cảnh sắc thanh u, theo dòng mà nhận ra được tính.  
Theo duyên mà tiêu trừ nghiệp cũ, không tạo ra oan khiên nữa.  
Theo thời mà mặc áo là thuận với lẽ thiên chơn vậy.

Luận:

Hòa thượng Vô Nghiệp dạy: "Người xưa sau khi đắc ý thì ở chốn nhà cỏ, vách lá, nấu cơm nơi chõng gậy chân, trải qua hai ba chục năm, chẳng để ý đến danh lợi, chẳng nghĩ đến tài sản quý báu, quên phứt người đời, ở ẩn trong chốn rừng núi cao sâu. Vua đòi cũng không đến, chư hầu mời cũng không dự". Bên trong ngung ý, bên ngoài quên duyên, chuyên chính mà đến đạo. Như ngài Vĩnh Gia dạy: "Thân nghèo, đạo chẳng nghèo". Nghèo là thân mang áo rách, đạo tâm thì vô giá trên châu. Đây là cùng với Thích Ca, Di Lặc, Tịnh Danh<sup>63</sup>, Bàn Lão<sup>64</sup> chẳng hơn chẳng kém, chẳng hai chẳng khác. Thấy cùng một mắt mà thấy, một tai mà nghe, một thứ thọ dụng, một thứ biến hiện, thiên đường địa ngục, tùy ý tiêu dao, hang cọt cung ma, dọc ngang không ngại. Đẳng đẳng nhậm vận, nhậm vận đẳng đẳng. Người xưa có bài tuyệt cú:

Vũ nội nhi nhân khách,

Nhân trung tác dã tăng.  
Nhậm tùng tha tiếu ngã,  
Nhậm vận tự đặng đặng.

Dịch:

Giữa đời làm nhàn khách,  
Cõi người, kẻ tăng quê.  
Cười ta dù ai đó  
Theo cuộc cứ riêng bề.

Đây là đại ý của bài tụng "Theo Cuộc".

Hình ảnh

---o0o---

## BÀI TỤNG CỦA PHỔ MINH THIÊN SƯ VỀ TRANH THỨ TÁM QUÊN NHAU (TƯƠNG VONG)

Hình ảnh

Phiên âm:

Bạch ngư thường tại bạch vân trung,  
Nhân tự vô tâm ngư diệc đồng,  
Nguyệt thấu bạch vân, vân ảnh bạch,  
Bạch vân minh nguyệt nhậm tây đông.

Dịch:

Trâu trắng thường trong mây trắng bay,  
Vô tâm người ấy lẫn trâu này.  
Trăng xuyên mây trắng, hình mây trắng,  
Mây trắng, trăng trong, đông lại tây.

Giải:

Cảnh trí vốn ngầm chứa một vị không tịch.  
Cảnh trí đều tịch lặng thì tâm và lự được an nhiên.

Trong chỗ không tịch ngằm chứa cái linh minh.  
Trong linh minh ngằm ẩn cái không tịch.  
Sắc và không, tự bản thể vốn là một.

Luận:

Người xưa có bảo:

Trúc biếc, hoa vàng đâu phải cảnh,  
Trăng trong, mây trắng hiện toàn thân.

Đây chính là con đường chính yếu để quay về nguồn cội, khi công phu đạt đến chỗ này, cần phải gia tăng tinh tiến. Nói rõ là đi mà không biết đi, ngồi mà không biết ngồi, không phân biệt đông tây, chẳng chia cách nam bắc. Không còn thấy một pháp nào để gán tính vào đó. Quả thực giống như cái chùy sắt không có lỗ. Cái nghi và cái bị nghi, tâm bên trong và cảnh bên ngoài cùng quên mà cùng chiếu. Không không cũng là không. Đến được chỗ này thì cái nhắc chân lên, cái đặt chân xuống, coi chừng chớ làm lật biển lớn, đá đổ núi Tu Di. Co, duỗi, cúi, ngưỡng đều luôn để ý tới. Chọc mù mắt Tổ Đạt Ma, đập vỡ mũi Phật Thích Ca. Những cử động và hành vi ấy đều không ra khỏi rừng Bồ đề. Biển Hoa Tạng tuy là rộng lớn, lồng lộng bao la nhưng không có hạt bụi nào mà nó không chui qua. Thông dong mà cõi vàng nhật sáng, cần chi phải nhọc sức dùng biện tài vi diệu để tuyên dương, cần chi phải mượn thần thông mà hiển thị. Nếu được thế ấy và đi, đứng, ngồi, nằm đều được như thế, thì thấy gì cũng là cơ duyên. Tuy ứng dụng có ngàn sai muôn khác, nhưng vẫn là cái tự tính của chân như, tuyệt nhiên bất động. Xưa có bài kệ:

Chỉ thử kiến văn phi kiến văn,  
Vô dư thanh sắc khả trình quân.  
Cá trung nhược liễu toàn vô sự,  
Thể dụng hà phòng phân bất phân.

Dịch:

Chỉ có kiến văn không kiến văn,  
Đâu thừa hình, tiếng để trình anh.  
Trong đây nếu hiểu toàn vô sự,  
Thể, dụng ngại gì phân, chẳng phân.

Ngài Ngũ Tổ dạy:

Nhất Phật, nhị Phật, thiên vạn Phật,  
Tổng thi tự kỷ vô biệt vật.  
Tích nhiên thâm chủng thiện lai căn,  
Kim nhật y nhiên đắc cự lực.

Dịch:

Một Phật, hai Phật, ngàn vạn Phật,  
Đều là Ta đây chẳng gì khác.  
Vốn mình trông lấy gốc lành kia,  
Lực lớn đến nay ắt phải đạt.  
Hà Trạch thiền sư dạy:

Bản lai diện mục thị chân như,  
Xả lợi quang trung nhận đắc cừ.  
Vạn kiếp mê đầu kim thử ngộ,  
Phương tri tự tính tức Văn Thù.

Dịch:

Xưa nay mặt mũi chính chân như,  
Trong ánh ngọc kia nhận biết chừ.  
Vạn kiếp mê lầm nay được ngộ,  
Mới hay tự tính tức Văn Thù.  
Trên đây là ý đại khái của bài tụng "Quên Nhau".

---o0o---

## **BÀI TỤNG CỦA PHỔ MINH THIỀN SƯ VỀ TRANH THỨ CHÍN RIÊNG CHIẾU (ĐỘC Chiếu)**

Hình ảnh

Phiên âm:

Ngũ nhi vô xứ, mục đồng nhân,  
Nhất phiến cô vân bích chương gian.  
Phách thủ cao ca minh nguyệt hạ,

Quy lai do hữu nhất trùng quan.

Dịch:

Trâu kia đã vắng, mục đồng nhàn,  
Một đám mây đơn chôn núi xanh.  
Trăng sáng, vỗ tay cao tiếng hát,  
Quay về còn có một trùng quan.

Giải:

Bỏ cái chấp vào kẻ khác, chứng được trí hiểu "các pháp đều không", thì các nghi ngờ vi tế bật, nhưng cái tinh diệu vẫn chưa tròn đầy!  
Thế mới biết quả thực đường về quê nhà vẫn còn ở nơi bờ sanh tử.  
Cần phải biết rằng rớt ráo ở bên kia núi xanh.

Luận:

Đó chính là cái "tâm không" riêng chiếu, không trở ngại với đạo. Cũng như người giả, ngựa gỗ, tình và thức đều không có. Như thế mới có thể rũ tay vào chỗ đông người, đổi thân thành loài khác. Nên biết rằng niềm vui này không phải là quên niệm, chú vào tình thức, mà đó chính là niềm vui "chân tịnh vô vi".

Đấy cũng như cái vui của ông Nhan Hồi<sup>65</sup> trong đạo Khổng, ở nơi ngõ hẹp quê mùa, như cái vui của ông Tăng Sâm múa ở đài Vu Vũ mà về. Đấy là mang cái niềm vui "chân không vô sanh".

Người xưa bảo: "Dù trai dù gái đều tu được cả; kẻ trí người ngu đều có phần". Hễ cứ quay về tự phản tỉnh thì mới biết rằng bản thể vốn không. Nên bảo rằng: Ngọc sáng làm sạch bụi, linh đài bỗng nhiên có kính. Tròng con mắt đã hết nhặm, thì mắt không còn hoa đóm.

Kinh Phật dạy: "Chư Phật giống như một cái kính tròn lớn. Thân ta giống như ngọc ma ni. Pháp thân của Phật nhập vào cái thể của ta. Thân ta thường nhập vào thân của chư Phật".

Đó là ý đại khái về bài tụng "Riêng Chiếu".

## BÀI TỤNG CỦA PHỔ MINH THIÊN SƯ VỀ TRANH THỨ MƯỜI CẢ HAI ĐỀU VẮNG BẬT (SONG DẠN)

Hình ảnh

Phiên âm:

Nhân ngư bất kiến yếu vô tông,  
Minh nguyệt quang hàm vạn tượng không.  
Nhược vấn kỳ trung đoan đích ý,  
Dã hoa phương thảo tự từng từng.

Dịch:

Chẳng thấy người, trâu, dấu mịt mù,  
Ánh trăng trong suốt, thấy đều không.  
Muốn tìm ý chính bên trong ấy,  
Cỏ dại, hoa thơm vẫn biếc nồng.

Giải:

Tâm, pháp, cả hai đều quên mất.,  
Linh minh dứt sự đối đãi. Bản thể sáng sủa không có chỗ y cứ.  
Cái ý rõ rệt, chủ yếu này cùng với đạo là một thì mới biết được.  
Chứng nhập vào cảnh giới không thể nghĩ bàn.

Dứt sạch năm ấm<sup>66</sup> và ba độc<sup>67</sup> nên bảo rằng: "Người và trâu đều không thấy, chính là lúc trăng sáng. Ánh trăng sáng cùng với vạn tượng đều không. Trong cái tính tịch diệt này, không thể dùng ngôn ngữ mà giảng biện, cần phải tự mình chứng lấy thì mới được, không thể dùng cái tính mà đo lường. Đó là "cái ý rõ rệt chủ yếu ở trong ấy". Người xưa có dạy: "Mây tan, nước chảy đi thì tịch nhiên; trời đất đều không, hoa đồng, cỏ nội đều xanh tốt".

Luận:

Đó chính là cảnh giới viên giác ngậm chứa một vị không tịch của bản thể chân như. Cái ý nghĩa này, cho dù có ngàn vị Thánh xuất hiện, có đủ các bậc biện tài vô ngại cũng không thể bàn chỗ rốt ráo được. Phóng ra một đường đao mà hướng vào cửa "kiện hóa"<sup>68</sup>, tạm dựa vào ngôn ngữ miễn cưỡng nói

ra, đó chính là cảnh giới của hai vị Bồ tát Văn Thù và Phổ Hiền. Tất cả chúng sinh tuy ở trong cảnh giới đó mà không tự biết, hàng Tiểu thừa thì không thể đến đó. Cái cảnh giới này chẳng Thánh chẳng phàm, quả khó thấy. Chỉ ngay trước mắt núi cao, biển rộng, cây bách thì ngắn, cây tùng thì dài, hoa đồng, cỏ nội, liễu lục, đào hồng, oanh ngâm, nhạn hót... Cứ thế mà suy thì sum la vạn tượng, chạm mắt gặp duyên. Núi sông, nhà cửa đều đồng một thể, tuyệt chẳng phải gì khác. Như Hòa thượng Khuê Phong dạy: "Tinh tú diệu vợi, linh minh sáng sủa, không đến, không đi, ngậm thông tam tế (ba thời). Không trong, không ngoài, suốt khắp mười phương, không diệt không sinh, há bốn núi<sup>69</sup> có thể hại được chẳng?" Bồ tính, bồ tướng thì há năm sắc<sup>70</sup> có thể làm mù mắt được chẳng? Cho nên thể tính này là Phật tính mà tất cả chúng sinh vốn có, cũng chính là nguồn gốc phát sinh của cả thế giới vậy. Nên người có học, có công phu mà đạt tới địa vị tột đỉnh này, thì một lần được là được mãi mãi, một khi chứng là chứng mãi mãi. Nên bảo rằng thi đậu vào cái không của tâm, thấy rõ được cái mặt mũi của mình trước khi cha mẹ sinh ra. Đến được đất đại an lạc này, làm được cái điều vô vi, vô sự, chính là vị đạo nhân chân thực, siêu việt. Nên bảo rằng sự việc một đời tham học đã xong rồi vậy.

Đây chính là ý đại khái của bài tụng: "Cả Hai Đều Vắng Bặt", kể đi sau nên biết.

---o0o---

## TỔNG LUẬN VỀ TƯỚNG VIÊN GIÁC TỊCH QUANG VÀ THỂ CHÂN KHÔNG DIỆU HỮU

Phàm đối với các vị mà một lần nhảy là nhập thẳng vào thì không cần nhọc công dùng roi vẩy gọi mà con trâu trắng vẫn tự nhiên hiển hiện, không cần theo thứ tự mà trong nháy mắt "năng" và "sở" đều tiêu. Thế thì các hình vẽ trở thành đồ bỏ đi, các bài tụng cũng thành lời nói thừa, hướng chỉ là các lời trực luận, trực thuyết của sách này. Nếu bảo các vị ấy xem sách này thì họ phải phì cười mà thôi. Cứ thực mà luận thì nói cũng không được, im lặng cũng chẳng được. Dù cho cả nói lẫn im đều mất hết thì cũng chẳng ăn nhập gì. Thế thì sao việc hành hóa của chư Cổ Phật và phong thái của chư Tiên đức đều mỗi mỗi từ cái vô dục, vô y mà phát hiện ra? Hoặc đưa ra núi cao tiêu bảng rốt rồi cũng không thể vin được, hoặc hài hòa dung hợp mà rồi cũng chẳng thấy gì. Rốt lại, không thể an định vào chôn nào, không biết nên nắm vào đầu nào. Không thị mà cũng không phải không thị, không phi mà cũng không phải không phi. Được mà cũng không có gì được, mất mà cũng chẳng có gì mất. Chưa từng cách biệt một mảy may, chưa từng xê xích một

tơ tóc. Sáng sửa đường xưa, không thuộc huyền vi. Đưa thẳng ra ngay, chớp mắt qua mắt. Ở nơi không chính há rơi vào đường tà, không đi đường lớn há rơi vào đường nhỏ? Mắt, đầu không gặp, chạm mắt không xúng. Một niệm quán khắp khuếch nhiên không tịch. Cái tông yếu này ngàn thánh chẳng truyền, chỉ ngay đây mà biết. Tại đây siêu việt.

Nên biết rằng: Pháp thân thì không có tướng, không thể dùng âm thanh mà cầu. Diệu đạo thì không có lời, không thể nhờ văn tự mà hiểu. Dù cho vượt Phật, vượt Tổ, cũng rơi vào tầng bậc. Dù cho nói diệu bàn huyền, rốt lại cũng mắc quai môi miệng. Cái tướng viên mãn này chính là diệu đạo nhất thừa tối thượng mà bậc trí tuệ có thể thực hiện. Công đức đầy đủ hưng thịnh vượt thẳng viên đốn, ánh sáng thanh tịnh chiếu khắp, cùng Phật không khác. Tự tánh thanh tịnh tức là đức Phật Vô Cấu. Tự tính như như tức là đức Phật Tự Tại. Tự tính bất muội chính là đức Phật Quang Minh. Tự tính kiên cố tức là đức Phật Bất Hoại. Tất cả pháp thân của chư Phật đều không thể nói hết được, cũng chỉ một chân tính mà thôi. Tính chính là tâm, tâm chính là Phật. Như Phật mới thành với Phật đã thành cũng không có hai thể. Chư Phật như là ông tiên bằng vàng đã thành tượng, chúng sinh như quặng vàng chưa thành tượng vậy. Đã thành và chưa thành đều chỉ là phân biệt trước sau, chứ cái thể vàng vốn luôn luôn không khác biệt. Vì thế kinh Viên Giác dạy: "Đã thành vàng rồi thì không thể trở lại thành quặng được". Trải qua vô tận thời gian, tánh vàng vẫn không hư hoại, tánh vàng này mọi người đều có sẵn, không ai không có. Cho đến chúng sinh ở khắp mười phương đều có Phật tánh kim cương. Trời đất vạn vật đều mang lấy pháp thân đức Như Lai của chúng ta vậy.

Nếu như người học thành tựu được việc tu hành, đạt đến địa vị này mới hay rằng trời đất với ta cùng một gốc, vạn vật với ta cùng một thể. Khắp cả pháp giới là cái Như Lai tạng<sup>71</sup>, khắp đại địa là cái Pháp Vương thân<sup>72</sup>. Chính thật tế chẳng khác, cùng với chư Phật ba đời thành đạo một lúc. Chân không bình đẳng, mười sáu loại chúng sinh cùng vào Niết bàn một ngày. Nên biết rằng pháp thân rất to lớn, hư không tuy rộng nhưng khó bao được cái thể ấy, đó là cái vi diệu của chân tâm vậy. Dù cho quỷ thần cũng không đo lường được cái cơ máy của nó. Cùng khắp cả đời vị lai, khắp cả biên vi trần cũng chỉ là cái nháy mắt. Suốt từ xưa cho đến mãi mãi về sau, không có cái gì là không phải cái tổng trì này. Suốt từ trên trời đến khắp dưới đất, không có cái gì là không phải cái thống tặc (tam giới) này. Vì thế Nhị Tổ dạy rằng: "Trần đầy lòng lộng mà thành cái này đây, đời đời kiếp kiếp không thay đổi. Trời, đất có hư hại mà cái này không hư hại". Cái này chính là cái chân ngã, cái này chính là cái chân như, cái này chính là cái chân thể, cái này chính là cái chân không,



cái này chính là thực tướng, cái này chính là đạo tràng Bồ đề, cái này chính là chân tịnh Niết bàn, cái này chính là không dơ không sạch, cái này chính là cái không phải sắc, không phải không, cái này chính là cái Thánh trí tự giác, cái này chính là cái pháp luân vô thượng, cái này chính là cái diệu dụng và vô cùng khoái lạc của chư Phật, cái này chính là sạch phiền não, bản lai không tịch.

Đó chính là tất cả nhân quả đều như mộng huyễn, đó chính là cái sinh diệt đã hết và tịch diệt là vui, đó chính là cái chân thể bất biến, bất hoại của kim cương, đó chính là cái nguyên thân bất sinh, bất diệt từ vô thủy, đó chính là cái không thể đo lường, không thể xưng gọi, không thể nghĩ bàn, công đức vô biên. Cái này chính là Pháp thân thanh tịnh, Báo thân viên mãn, ngàn vạn ức Hóa thân, chính là đức Phật Tỳ Lô Giá na<sup>73</sup>.

Chư vị học đạo! Nếu chúng tử hiện hành chưa dứt, tập khí phiền não vẫn còn nồng nàn thì ngay mắt sinh tình, tiếp xúc trần thế thành trầm trệ. Tuy hiểu được ý chỉ vô sinh mà sức mình chưa đủ thì không nên chấp rằng ta đã giác ngộ rồi. Tính phiền não vốn không, nếu phát tâm tu thì thành sai lạc. Tính phiền não tuy là không, nhưng nó có thể sinh thọ nghiệp. Nghiệp quả tuy vô tính nhưng nó có thể sinh ra nhân khổ. Sự thống khổ tuy hư vọng, nhưng quả thực khó cam chịu. Như gặp bệnh không, thể của bệnh hoàn toàn là không thì cần chi phải mời thầy thuốc và uống đủ các thứ thuốc? Nên biết rằng lời nói và việc làm trái nhau, nhưng giả hay thực có thể xét được. Hãy đo lường căn lực của mình chứ đừng tự dối. Nên suy xét phải trái, cần nhất là thực kỹ càng. Do đó bảo rằng vạn pháp đều do từ tâm, hết thấy đều ở nơi ta. Trong đã hư nát thì rốt lại ngoài cũng không thực. Trong đã đạt đến chỗ tinh tế thì ngoài không thể thô thiển. Tâm còn phàm thì bị ba độc trói buộc. Tâm mà thánh thì sáu thần thông<sup>74</sup> tự tại. Tâm đạt được không thì một đạo thanh tịnh, tâm mà có thì vạn cảnh thao túng. Như tiếng dội trong hang động, kêu to thì tiếng vang lớn. Hình gương chiếu hình, hình gãy thì ảnh nghiêng. Nên bảo rằng muôn cho bên ngoài được an hòa, bên trong hãy làm cho được thanh tịnh. Tâm trống thì cảnh lặng. Niệm khởi lên thì các pháp sinh ra. Nước đục thì sóng dơ. Ao trong thì trăng hiện. Thiết yếu của việc tu hành cũng không ra ngoài điều này. Có thể bảo rằng: nắm được tâm mình thì lo gì không rõ được?

---o0o---

**HẾT**

進聖牧牛圖頌疏上

鎮海官寺僧法聰號廣智

謹具題於己亥年三月蒙

聖駕幸臨彌陀之日。乃眾僧俯伏接駕之時。臣

特蒙召入沐

聖心眷愛。賜坐賜茶。仰

聖意惟容。問終問始。臣情悚懼。隨荅隨申。眼不

敢瞻。叩首頓首。荷



十牧牛圖誦論解

---

<sup>1</sup> Năm Kỷ Hợi: 1719, triều vua Lê Dụ Tông, Vĩnh Thịnh năm thứ 15.

<sup>2</sup> Tam nguyên: Ba ngày rằm của tháng giêng, tháng bảy và tháng mười âm lịch.

<sup>3</sup> Vĩnh Thanh 16: Lê Dụ Tông, Canh Tý 1720, sau đổi là Bảo Thái nguyên niên.

<sup>4</sup> Núi Tuyết: Chỉ dãy núi Hymalaya (Hy mã Lạp sơn) ở phía Bắc nước Ấn Độ, quanh năm tuyết phủ.

<sup>5</sup> Ba thừa (tam thừa): Ba phương tiện tùy nghi thuyết pháp của đức Phật, ví như ba cỗ xe tùy theo căn cơ của chúng sinh mà sử dụng. Đó là:

- Thanh văn thừa: Theo lời Phật dạy mà tu theo Tứ đế, đắc quả A la hán, nhập Niết bàn.

- Duyên giác thừa: Tu theo lời Phật dạy, ngộ lý và diệt mười hai nhân duyên sinh khổ, nhập Niết bàn.

- Bồ tát thừa: Tu theo lời Phật dạy, cầu thành Phật, thi hành Lục độ, đưa toàn thể chúng sinh đến Niết bàn.

<sup>6</sup> Nhất thừa: Tức Phật thừa, cỗ xe độc nhất, bao gồm hết thầy pháp môn, theo đó tất cả chúng sinh đều sẽ thành Phật.

<sup>7</sup> Đốn giác viên thành: Sự giác ngộ đầy đủ ngay tức khắc, khác với sự chứng ngộ từ từ.

<sup>8</sup> Đạt Ma: Tức Bodhidharma (460-528), là Tổ thứ 28 Thiền tông Ấn Độ, và là Sơ Tổ của Thiền tông Trung Hoa. Con vua nước Hương Chí, phía Nam Ấn Độ. Xuất gia từ nhỏ, được thầy là Bát Nhã Đa La truyền tâm ấn. Năm 520, theo đường biển đến Quảng Châu (Trung Hoa). Vua Lương Võ Đế được tin thỉnh đến Kim Lăng thuyết pháp, ngài nhận thấy chưa đủ cơ duyên nên đến ẩn cư tại chùa Thiếu Lâm, núi Tung Sơn. Sau chín năm thiền định quay mặt vào vách, ngài truyền tâm ấn cho đệ tử là Huệ Khả với yếu chỉ thấy tánh thành Phật. Theo truyền thuyết ngài trở về Ấn Độ và không biết tịch năm nào.

<sup>9</sup> Thần Quang (486-593): Tức thiền sư Huệ Khả, Tổ thứ hai Thiền tông Trung Hoa, người Lạc Dương, tinh thông ngoại điển, sau nghiên cứu Phật giáo. Năm 21 tuổi đến chùa Thiếu Lâm xin yết kiến Đạt ma tổ sư, tự chặt tay để tỏ lòng thành cầu đạo. Cuối cùng được ấn chứng và trao y bát kế vị Tổ sư.

<sup>10</sup> Phổ Minh: Chưa rõ gốc tích.

<sup>11</sup> Mười hai phần giáo điển: Tức 12 loại kinh, chỉ toàn bộ cơ duyên và phương pháp giảng kinh của đức Phật, như ứng dụng, thọ ký, tự thuyết...

<sup>12</sup> Lô Biên: Tức Biên Thước, đại danh y thời thượng cổ, người đất Lô (Trung Hoa), nên còn gọi là Lô Y.

- 
- <sup>13</sup> Di Lạc: Còn gọi là A Dật Đa hay Từ Thị. Theo đức Phật Thích Ca thì đây là vị Phật kế tiếp ngài, sẽ mở pháp hội Long Hoa để độ chúng sinh
- <sup>14</sup> Tấm lòng lão bà (lão bà tâm): Thuật ngữ của Thiên tông để chỉ tấm lòng từ bi vô hạn của chư Phật, chư Tổ đối với chúng sinh như tấm lòng của bà già lo cho con cháu.
- <sup>15</sup> Bốn hàng đệ tử của Phật: Hay còn gọi là tứ chúng gồm có: Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, nam cư sĩ và nữ cư sĩ. Ở đây có lẽ chỉ vào hàng xuất gia là: Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Sa di và Sa di ni.
- <sup>16</sup> Tập khí: Thói quen đã huân tập từ nhiều đời kiếp, tất cả những cái đã xông ướp, thấm nhiễm vào người
- <sup>17</sup> Pháp thân: Thân chân thật của Phật, tức là pháp tính hay lý thể tuyệt đối
- <sup>18</sup> Sắc uẩn, thọ uẩn: Hai chi phần trong năm phần gồm thành cái gọi là con người là: sắc (vật chất, hình tướng), thọ (sự cảm thọ), tưởng (sự nghĩ tưởng), hành (sự vận hành), và thức (sự nhận biết)
- <sup>19</sup> Tăng kỳ kiếp: Tức a tăng kỳ thời gian của một vận kiếp vũ trụ, rất dài lâu không thể tính được
- <sup>20</sup> Tổ cơ: Tức là cái mấu chốt do chư Tổ bày đặt ra để tùy căn cơ, trình độ mà dạy bảo
- <sup>21</sup> Vượn tâm, ngựa ý: Âm chỉ tâm ý điên đảo, phóng túng không định tĩnh của chúng sinh như loài vượn, loài ngựa.
- <sup>22</sup> Quy Sơn (771-853): Pháp danh Linh Hựu, Tổ dòng Quy Ngưỡng, đắc pháp với ngài Bách Trượng, mở pháp đường ở núi Đại Quy, tỉnh Hồ Bắc, nên thường được gọi là Tổ Quy Sơn
- <sup>23</sup> Giác vương: Tức Phật, vị đã giác ngộ hoàn toàn
- <sup>24</sup> Tứ ân: Bốn ơn lớn là ơn cha mẹ, ơn chúng sinh, ơn chính quyền và ơn Tam bảo
- <sup>25</sup> Ba cõi: Cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô Sắc. Tất cả chúng sinh trong ba cõi nay còn trong vòng luân hồi, sanh tử.
- <sup>26</sup> Phổ Hiền: Vị đại Bồ tát tượng trưng cho đại hạnh, phát mười nguyện lớn để tu hành và cứu độ chúng sinh
- <sup>27</sup> Vĩnh Gia: Tức Huyền Giác đại sư, người họ Đái ở Ôn Châu Trung Hoa, thuộc phái Thiên Thai, sau đắc pháp với Tổ Huệ Năng.
- <sup>28</sup> Sách Trung Dung ghi: "Hỷ, nộ, ai, lạc, chi vị phát vị chi trung. Phát nhi giai trúng tiết, vị chi hòa". Nghĩa là những mối tình như vui mừng, hờn giận đau thương, khoái lạc khi chưa phát sinh nơi tâm ta gọi là Trung. Khi nó phát sinh một cách phải thế thì gọi là Hòa.
- <sup>29</sup> Tám thức: Duy Thức tông chia cái biết ra làm tám bộ phận là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, mạng na và a lại gia thức.
- <sup>30</sup> Sáu thức: Cái biết của sáu cơ quan: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý.

- 
- <sup>31</sup> Thức căn: Các cơ quan hiểu biết là năm giác quan và ý.
- <sup>32</sup> Văn Thù: Theo kinh điển Đại thừa, là một vị Bồ tát tượng trưng cho trí tuệ, thường tham dự các pháp hội của Phật để tham hỏi và tán thán giáo lý của ngài.
- <sup>33</sup> Sáu trần: Sáu đối tượng cho sáu căn: sắc đối với mắt, tiếng đối với tai, mùi đối với mũi, vị đối với lưỡi, xúc đối với thân và pháp (ý niệm về các sự vật) đối với ý.
- <sup>34</sup> Trục chỉ nhân tâm: Nói đủ là "Trục chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật", tức là phương pháp chỉ thẳng vào tâm người ta để người người ta thấy rõ tính chân thật mà giác ngộ. Đây là yếu chỉ của pháp môn Đốn ngộ do Sơ Tổ Đạt Ma truyền dạy.
- <sup>35</sup> Tâm địa: Cái mảnh đất tâm. Pháp môn tâm địa là phương pháp quán sát cái tâm, nơi sinh trưởng phiền não
- <sup>36</sup> Tứ đại: Theo quan niệm về vật chất luận của Ấn Độ thời cổ và được đức Phật đồng ý thì tứ đại là bốn thành tố chính tạo nên vật chất là đất, nước, gió và lửa.
- <sup>37</sup> Sáu đường: Sáu con đường luân hồi của tất cả chúng sinh hữu tình là: Trời, a tu la, người, địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh.
- <sup>38</sup> Ba cõi: Là ba cảnh giới luân hồi của chúng sinh từ thấp đến cao là: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.
- <sup>39</sup> Năng sở: Chủ thể và khách thể, cái tác động và cái bị tác động.
- <sup>40</sup> A Nan: Tức A Nan Đà một đại đệ tử của Phật Thích Ca. Tương truyền ngài là vị đệ nhất đa văn, tất cả kinh đức Phật thuyết, ngài A Nan đều thuộc lòng và đọc tụng lại trong kỳ kết tập đầu tiên sau khi đức Phật diệt độ.
- <sup>41</sup> Sát na: Gốc chữ Phạn, chỉ một khoảng thời gian ngắn ngủi không tính được, ví như thời gian của một chớp mắt.
- <sup>42</sup> Bất khả đắc: Không thể được, không thể nghĩ bàn. Chỉ cái thể tính chân như tuyệt đối không thể hiểu được, đạt đến trong hoàn cảnh mê tình.
- <sup>43</sup> Ba đường khổ: Tức là ba cảnh giới đọa lạc dưới cõi người là địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh.
- <sup>44</sup> Kiến giải tương tự: Cái thấy, cái quan niệm, về mặt ngôn ngữ thì có vẻ giống với những điều được ghi chép trong kinh điển, nhưng thực ra đó chỉ là hình thức chứ không phải là chân thực.
- <sup>45</sup> Nhà lửa: Kinh Pháp Hoa ví thế giới này như ngôi nhà đang cháy, chúng sinh phải gấp rút tránh khỏi.
- <sup>46</sup> Ngũ dục: Năm thứ ham muốn ứng với năm giác quan là thích vẻ đẹp, thích nghe tiếng ngọt ngào nịnh hót, thích ngửi mùi thơm, thích ăn món ngon.
- <sup>47</sup> Chánh pháp nhãn tạng: Kho chứa chánh pháp, chỉ chân lý tối hậu, tuyệt đối. Đây chỉ sự mật truyền ý chỉ kể từ đức Phật Thích Ca đến Tổ Ca Diếp và

---

cứ thể chánh pháp được chư Tổ truyền thừa không thể tìm thấy qua kinh điển, văn tự.

- <sup>48</sup> Căn trần: Căn là các cơ quan cảm giác và ý. Trần là các đối tượng bên ngoài tương ứng với các cơ quan ấy.
- <sup>49</sup> Căn trần: Căn là các cơ quan cảm giác và ý. Trần là các đối tượng bên ngoài tương ứng với các cơ quan ấy.
- <sup>50</sup> Thể dụng: Thể là bản chất, dụng là sự thể hiện của bản chất ấy.
- <sup>51</sup> Thể dụng: Thể là bản chất, dụng là sự thể hiện của bản chất ấy.
- <sup>52</sup> Cửa bất nhị: Tức "bất nhị pháp môn" là phương pháp tu tập theo lý "không hai". Không phân biệt, không chia chẻ sự vật theo những phạm trù của thế gian như có và không, xấu với đẹp, thiện với ác...
- <sup>53</sup> Cảnh chân như: Cái chân lý thực thể, thực tính mà đời đời không thay đổi, đây chỉ cõi Phật.
- <sup>54</sup> Trí Bát nhã: Trí tuệ rộng lớn, tuyệt đối, thành tựu được khi đã giác ngộ, khác với cái thức là sự hiểu biết, khi chưa giác ngộ.
- <sup>55</sup> Mặt mũi xưa nay: Tức "bản lai diện mục", chỉ cái thể tính trong lặng tuyệt đối từ vô thủy của con người nhưng vì bị vô minh, ái nghiệp... che mờ nên không thấy được nó.
- <sup>56</sup> Hàn Sơn: Một thiền sư nổi tiếng đời Đường.
- <sup>57</sup> Mười lục: Là mười năng lực, trí tuệ của đức Phật gồm có:
- Tri thị xứ phi xứ.
  - Tri tam thế nghiệp báo.
  - Tri chư thiên giải thoát tam muội.
  - Tri chúng sinh tâm tính.
  - Tri chủng chủng giải.
  - Tri chủng chủng giới.
  - Tri nhứt thiết sở đạo.
  - Tri thiên nhân vô ngại.
  - Tri túc mạng vô lậu.
  - Tri vĩnh đoạn tập khí.
- <sup>58</sup> Hai lục: Tức lục thứ hai và ba, xem (57).
- <sup>59</sup> Thượng hạnh: Công hạnh, giới hạnh cao thượng của người xuất gia.
- <sup>60</sup> Đề hồ: Chất tinh của sữa, chỉ giáo lý của Phật có vị huyền diệu cứu khổ chúng sinh.
- <sup>61</sup> Hòa quang đồng trần: Hòa cùng ánh sáng, chung với bụi bặm. Chỉ những bậc đã giải thoát, giác ngộ mà vẫn hòa hợp với trần tục.
- <sup>62</sup> Lấy từ câu "vô vi, nhi vô bất vi" trong Đạo Đức Kinh của Lão Tử.



- 
- <sup>63</sup> Tịnh Danh: Tức cư sĩ Duy Ma Cật ở thành Tỳ Xá Ly. Thời Phật Thích Ca tại thế, ngài Duy Ma Cật nổi tiếng biện tài vô ngại, được các đại đệ tử của Phật rất kính trọng.
- <sup>64</sup> Bàn Lão: Tức cư sĩ Bàn Long Uẩn, sống vào thời nhà Đường bên Trung Quốc, đạt được trình độ tu chứng rất cao, thường được tôn xưng là Duy Ma của Trung Quốc.
- <sup>65</sup> Nhan Hồi, Tăng Sâm: Hai vị cao đệ của đức Khổng Tử, đoạn văn này chỉ quan niệm nhân sinh của hai vị chủ trương sống thanh thản, không ham danh lợi quyền quý, chỉ trau dồi đạo đức tâm linh.
- <sup>66</sup> Năm âm: Xem chú thích (18).
- <sup>67</sup> Ba độc: Tức ba căn bản bất thiện khiến chúng sinh luân hồi đau khổ là tham, sân, si.
- <sup>68</sup> Cửa kiện hóa: Kiện hóa môn. Chưa rõ ý đích xác là gì. Kiện nghĩa là mạnh mẽ, hóa nghĩa là biến hóa, hóa thành. Kiện còn là tên của loài cá chép (lý ngư hay kiện ngư). Có thể cửa kiện hóa là tỏ sự biến hóa, siêu việt, như tích cá chép hóa rồng chẳng? Hay kiện hóa là phiên âm từ Grandharva (Kiện đạt, Càn thất bà), tên của một loài quỷ thần, biến hóa xảo diệu, tạo ra ảo cảnh, để ngậm trở cõi vô thường sinh tử.
- <sup>69</sup> Bốn núi: Âm chỉ bốn biến cố lớn của đời sống chúng sinh là sanh, già, bệnh, chết.
- <sup>70</sup> Năm sắc: Năm màu chính là xanh, đỏ, vàng, trắng và đen.
- <sup>71</sup> Như Lai tạng: Chỗ ẩn chứa cái mầm móng Như Lai (Tathaga-garbha), cái thể tính rốt ráo viên mãn vốn có của chúng sinh.
- <sup>72</sup> Pháp vương thân: Thân của vua pháp, tức thân của Phật hay Pháp thân (Dharmakafya) chỉ cái chân lý tuyệt đối.
- <sup>73</sup> Tỳ Lô Giá Na: Tức là Đại Nhật Như Lai. Theo Mật tông đây là vị Phật đại trí tuệ quán chiếu tất cả chúng sinh (như mặt trời soi sáng khắp nơi) để cứu độ.
- <sup>74</sup> Sáu thần thông: Là sáu khả năng vi diệu của bậc đại ngộ, đó là: Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông, Túc mạng thông, Tha tâm thông, Thần túc thông và Lưu tận thông.